

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TRUNG HỌC

PHẠM TẠ HOÀNG ANH

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
THIẾT KẾ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM TRONG DẠY HỌC
CHỦ ĐỀ “VẬT SỐNG” MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6

Mã sinh viên: 2552490001

Ngành: Sư phạm Khoa học tự nhiên

NINH BÌNH, 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TRUNG HỌC

PHẠM TẠ HOÀNG ANH

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
THIẾT KẾ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM TRONG DẠY HỌC
CHỦ ĐỀ “VẬT SỐNG” MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6

Mã sinh viên: 2552490001

Ngành: Sư phạm Khoa học tự nhiên

Người hướng dẫn: TS. Lê Thị Tâm

NINH BÌNH, 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng: Khóa luận tốt nghiệp với đề tài “Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ đề “Vật sống” môn Khoa học tự nhiên 6” là kết quả nghiên cứu và thực hiện của riêng tôi dưới sự hướng dẫn của giảng viên Lê Thị Tâm. Các số liệu, tài liệu, ví dụ, hình ảnh, bảng biểu và nội dung trình bày trong khóa luận là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và chưa từng được sao chép hoặc sử dụng cho bất kỳ công trình nào khác. Trong trường hợp phát hiện có sự vi phạm, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước nhà trường và pháp luật.

Tôi xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của giảng viên hướng dẫn, sự hỗ trợ của quý thầy cô trong khoa cũng như sự giúp đỡ từ phía bạn bè và các cá nhân, tổ chức liên quan trong quá trình thực hiện đề tài.

Ninh Bình, ngày 21 tháng 5 năm 2025

Người cam đoan

Phạm Tạ Hoàng Anh

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

Sinh viên Phạm Tạ Hoàng Anh luôn tích cực, chủ động, độc lập trong nghiên cứu; có năng lực chuyên môn vững vàng, nghiêm túc trong nghiên cứu khoa học; có tinh thần ham học hỏi, cầu thị, khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt khóa luận tốt nghiệp.

Các kết quả nghiên cứu của tác giả được trình bày trong 02 chương (ngoài phần mở đầu, kết luận và kiến nghị), đáp ứng được nội dung của một khóa luận. Tác giả đã sử dụng linh hoạt 4 nhóm phương pháp nghiên cứu cơ bản (phương pháp nghiên cứu lý luận, phương pháp nghiên cứu thực tiễn, phương pháp xin ý kiến chuyên gia và phương pháp thống kê toán học) để thực hiện đầy đủ 02 nhiệm vụ mà đề tài đặt ra, đáp ứng mục đích nghiên cứu của đề tài. Đặc biệt tác giả đã vận dụng thành công lý luận thiết kế hoạt động trải nghiệm để thiết kế 06 bài trong dạy học chủ đề “Vật sống”, Khoa học Tự nhiên 6. Các kết quả điều tra khảo sát trung thực, có ý nghĩa tham khảo trong quá trình giáo dục. Tác giả đã rút ra các kết luận, kiến nghị mang tính khái quát cao, xuất phát từ thực trạng, kết quả vấn đề nghiên cứu và phù hợp với mục tiêu phát triển giáo dục trong thực tiễn.

Hình thức khóa luận đúng quy định của Nhà trường, ít lỗi chính tả và lỗi đánh máy, kết cấu, bố cục logic giữa các chương.

Đề nghị cho sinh viên bảo vệ khóa luận tốt nghiệp trước hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp.

Ninh Bình, ngày 25 tháng 4 năm 2025

Người hướng dẫn khoa học

TS. Lê Thị Tâm

BẢNG CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Nghĩa
1	NL	Năng lực
2	GV	Giáo viên
3	HS	Học sinh
4	KHTN	Khoa học Tự nhiên
5	THTN	Tìm hiểu tự nhiên
6	NLKHTN	Nguyên lí Khoa học Tự nhiên
7	HĐTN	Hoạt động trải nghiệm
8	THCS	Trung học cơ sở
9	HĐ	Hoạt động
10	TGTN	Thế giới tự nhiên

DANH MỤC BẢNG BIỂU, ĐỒ THỊ

Tên bảng	Trang
Bảng 2.1. Bảng tổng kết, kết quả thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn KHTN 6	24
Bảng 2.2. Bảng tổng kết, kết quả thiết kế hoạt động trải nghiệm thường xuyên trong các hoạt động dạy học môn KHTN 6	38

Tên biểu đồ	Trang
Biểu đồ 1.1. Ý kiến của GV về việc tích hợp HĐTN trong dạy học môn KHTN	17
Biểu đồ 1.2. Tỷ lệ các hình thức hoạt động được GV lựa chọn	18
Biểu đồ 1.3. Các khó GV gặp phải khi thực hiện tích hợp hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn KHTN	18
Biểu đồ 1.4. Tỷ lệ đồng ý, sẵn sàng của GV về việc tích hợp HĐTN trong dạy học môn KHTN	19
Biểu đồ 1.5. Tỷ lệ GV đã tổ chức HĐTN trong dạy học chủ đề “Vật sông” môn KHTN	20
Biểu đồ 2.1. Mức độ phù hợp đáp ứng các tiêu chí Bài 22. Phân loại thế giới sống	57
Biểu đồ 2.2. Mức độ phù hợp đáp ứng các tiêu chí Bài 26. Thực hành quan sát vi khuẩn, Tìm hiểu các bước làm sữa chua	58
Biểu đồ 2.3. Mức độ phù hợp đáp ứng các tiêu chí Bài 32. Thực hành quan sát và phân loại động vật ngoài thiên nhiên	58
Biểu đồ 2.4. Mức độ phù hợp đáp ứng các tiêu chí Bài 18. Thực hành quan sát tế bào sinh vật	58

Biểu đồ 2.5. Mức độ phù hợp đáp ứng các tiêu chí Bài 19. Cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào	58
Biểu đồ 2.6. Mức độ phù hợp đáp ứng các tiêu chí Bài 20. Các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào	59

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	1
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC	ii
BẢNG CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC BẢNG BIỂU, ĐỒ THỊ.....	iv
MỤC LỤC	vi
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
<i>Xuất phát từ yêu cầu về đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông</i>	<i>1</i>
<i>Xuất phát vai trò của hoạt động trải nghiệm trong dạy học.....</i>	<i>1</i>
<i>Xuất phát từ đặc điểm môn Khoa học Tự nhiên 6</i>	<i>2</i>
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu	2
2.1. Tình hình nghiên cứu trên thế giới.....	2
2.2. Tình hình nghiên cứu trong nước.....	3
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	5
3.1. Mục đích nghiên cứu.....	5
3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu	5
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	5
4.1. Đối tượng nghiên cứu	5
4.2. Phạm vi nghiên cứu.....	6
5. Phương pháp nghiên cứu.....	6
5.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận.....	6
5.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn	6
5.3. Phương pháp xin ý kiến chuyên gia.....	6
5.4. Phương pháp thống kê toán học.....	6
6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn.....	7
6.1. Ý nghĩa khoa học	7
6.2. Ý nghĩa thực tiễn.....	7
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN.....	8
1.1. Cơ sở lý luận	8
1.1.1. Hoạt động trải nghiệm.....	8

1.1.2. Khái quát về nội dung chương trình và sách giáo khoa môn Khoa học Tự nhiên lớp 6 chủ đề “Vật sống”	12
1.2. Cơ sở thực tiễn.....	14
1.2.1. Khái quát về quá trình điều tra.....	14
1.2.2. Kết quả điều tra	17
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....	21
Chương 2 : THIẾT KẾ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM.....	22
TRONG DẠY HỌC MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6	22
2.1. Nguyên tắc và quy trình thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học	22
2.1.1. Nguyên tắc thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học	22
2.1.2. Quy trình thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học	23
2.2. Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Khoa học Tự nhiên 6 chủ đề “Vật sống”	23
2.2.1. Kết quả thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Khoa học tự nhiên 6	23
2.2.2. Thiết kế hoạt động trải nghiệm thường xuyên trong các hoạt động dạy học của bài lên lớp.....	38
2.3. Đánh giá chất lượng của hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Khoa học Tự nhiên 6.....	55
2.3.1. Tiêu chí đánh giá chất lượng của hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Khoa học Tự nhiên 6	55
2.3.2. Kết quả đánh giá chất lượng của hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Khoa học Tự nhiên 6	57
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	59
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	60
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	62
Tiếng Việt.....	62
Tiếng Anh.....	62
Website	63
PHỤ LỤC	64
PHỤ LỤC 1: PHIẾU KHẢO SÁT	64
PHIẾU KHẢO SÁT GIÁO VIÊN	64
PHIẾU KHẢO SÁT HỌC SINH	67
PHIẾU KHẢO SÁT KẾT QUẢ.....	69

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Xuất phát từ yêu cầu về đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông

Đổi mới giáo dục đang diễn ra trên quy mô toàn cầu. Bối cảnh trên đã tạo nên những thay đổi sâu sắc trong giáo dục, từ quan niệm về chất lượng giáo dục, xây dựng nhân cách người học đến cách tổ chức quá trình và hệ thống giáo dục. Cùng với sự đổi mới về kinh tế - xã hội là sự đổi mới giáo dục một cách căn bản và toàn diện theo tinh thần của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa XI) đã thông qua. Bộ GDĐT cũng đang từng bước hoàn thành chương trình đổi mới trong giáo dục. Tại Nghị quyết số 88/2014/QH13 đã xác định rõ mục tiêu: Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông nhằm tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng và hiệu quả giáo dục phổ thông; kết hợp dạy chữ, dạy người và định hướng nghề nghiệp; góp phần chuyển nền giáo dục nặng về truyền thụ kiến thức sang nền giáo dục phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực, hài hòa đức, trí, thể, mỹ và phát huy tốt nhất tiềm năng của mỗi học sinh [1].

Xuất phát vai trò của hoạt động trải nghiệm trong dạy học

Trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (CTGDPT 2018), hoạt động trải nghiệm có vai trò và ý nghĩa vô cùng quan trọng. Bên cạnh việc trở thành một hoạt động giáo dục bắt buộc, hoạt động trải nghiệm còn có mặt ở từng môn học cụ thể. Nếu hiểu rõ đặc thù, thế mạnh và khai thác được trải nghiệm trong môn học thì cả giáo viên và học sinh đều sẽ phát huy được vị thế, “nội lực” của mình: người dạy là người tổ chức, định hướng, gợi mở; người học là người chủ động, sáng tạo khám phá, hình thành phẩm chất và năng lực.

Học tập thông qua hoạt động trải nghiệm sẽ góp phần định hướng, tạo điều kiện cho HS có thể quan sát, suy nghĩ và trực tiếp tham gia các hoạt động thực tiễn, qua đó tổ chức khuyến khích, động viên và tạo điều kiện cho các em tích cực nghiên cứu, tư duy tìm ra những giải pháp mới, đẩy mạnh sự sáng tạo những

cái mới trên cơ sở kiến thức đã học trong nhà trường và những gì đã trải qua trong thực tiễn cuộc sống, từ đó hình thành ý thức, phẩm chất, kỹ năng sống và năng lực cho HS. Thiết kế các hoạt động trải nghiệm tương ứng với mỗi chủ đề dạy học khác nhau, sẽ góp phần tạo sự hứng thú cho các em học sinh giúp các em có các giờ học thú vị và tiếp thu kiến thức hiệu quả, bên cạnh đó đánh giá được năng lực của học sinh.

Xuất phát từ đặc điểm môn Khoa học Tự nhiên 6

Khoa học Tự nhiên (KHTN) là môn học giúp các em hình thành và phát triển về thế giới quan khoa học của mình. Hình thành cho các em tình yêu thiên nhiên, ý thức bảo vệ môi trường và biết ứng xử với thiên nhiên phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững hiện nay. Ở cấp trung học cơ sở, giáo dục KHTN là tích hợp các năng lực về Lý – Hóa – Sinh. Môn KHTN sẽ giúp các em học sinh hiểu biết kiến thức phổ thông cốt lõi về sự đa dạng, tính hệ thống, quy luật vận động, tương tác và biến đổi của thế giới tự nhiên; tương ứng với các chủ đề khoa học: Chất và sự biến đổi của chất, Vật sống, Năng lượng và sự biến đổi năng lượng, Trái đất và bầu trời.

Xuất phát từ những lí do trên, em lựa chọn nghiên cứu đề tài **“Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Khoa học Tự nhiên 6”**.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

2.1. Tình hình nghiên cứu trên thế giới

Dạy học qua trải nghiệm là phương pháp tiến tiến được áp dụng tại nhiều nước phát triển trên thế giới, với những ưu điểm vượt trội cho người học.

Theo tác giả người Mỹ, John Dewey, với tác phẩm Kinh nghiệm và Giáo dục đã nêu ra hạn chế của giáo dục nhà trường và đưa ra cách nhìn về vai trò của kinh nghiệm trong giáo dục. Với triết lí giáo dục coi trọng vai trò của kinh nghiệm. Dewey cũng cho rằng, những kinh nghiệm mang ý nghĩa giáo dục giúp thúc đẩy hiệu quả giáo dục bằng cách liên kết người học với những kiến thức được học với thực tiễn.

Kolb (1984) từng đưa ra một lí thuyết về học từ trải nghiệm (Experiential learning) “Học tập là quá trình mà kiến thức được tạo ra thông qua sự biến đổi

của kinh nghiệm”. Theo đó, học là một quá trình trong đó kiến thức của người học được tạo ra qua việc chuyển hóa kinh nghiệm; nghĩa là, bản chất của hoạt động học là quá trình trải nghiệm [11].

Từ giữa thế kỉ XX, nhà khoa học giáo dục nổi tiếng người Mỹ, John Dewey, đã chỉ ra hạn chế của giáo dục nhà trường và đưa ra quan điểm về vai trò của kinh nghiệm trong giáo dục. Với triết lí giáo dục đề cao vai trò của kinh nghiệm, Dewey cũng chỉ ra rằng: Những kinh nghiệm có ý nghĩa giáo dục giúp nâng cao hiệu quả giáo dục bằng cách kết nối người học và những kiến thức được học với thực tiễn. Theo ông học qua trải nghiệm xảy ra khi một người sau khi tham gia trải nghiệm nhìn lại và đánh giá, xác định cái gì là hữu ích hoặc quan trọng cần nhớ và sử dụng những điều này để thực hiện các hoạt động khác trong tương lai [12].

Một số các học giả quốc tế cho rằng: Giáo dục trải nghiệm coi trọng và khuyến khích mối liên hệ giữa các bài học trừu tượng với các hoạt động giáo dục cụ thể để tối ưu hóa kết quả học tập [6]; Học từ trải nghiệm phải gắn kinh nghiệm của người học với hoạt động phản ánh và phân tích [13]; Chỉ có kinh nghiệm thì chưa đủ để được gọi là trải nghiệm; chính quá trình phản ánh đã chuyển hóa kinh nghiệm thành trải nghiệm giáo dục [13].

2.2. Tình hình nghiên cứu trong nước

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 [1] nhấn mạnh tới sự dịch chuyển mục tiêu giáo dục từ tập trung trang bị kiến thức sang hình thành và phát triển phẩm chất năng lực của người học. Từ sự thay đổi mục tiêu giáo dục này dẫn tới sự ra đời của một loạt mô hình, chiến lược, phương pháp dạy học mới. Trong đó, đáng kể nhất chính là dạy học tích hợp, dạy học phân hóa, giáo dục STEM... và hoạt động trải nghiệm. Chương trình đã chỉ ra rõ hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là hoạt động giáo dục bắt buộc được thực hiện từ lớp 1 đến lớp 12. Theo đó, hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là hoạt động giáo dục do nhà giáo dục định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện, tạo cơ hội cho học sinh tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp

kiến thức, kĩ năng của các môn học khác nhau để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, kĩ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai. Từ đó “hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi của học sinh trong các mối quan hệ với bản thân, xã hội, môi trường tự nhiên và nghề nghiệp; được triển khai qua bốn mạch nội dung hoạt động chính: Hoạt động hướng vào bản thân, Hoạt động hướng đến xã hội, Hoạt động hướng đến tự nhiên và Hoạt động hướng nghiệp.”.

Hiện nay có rất nhiều công trình nghiên cứu về lí luận dạy học cũng đề cập đến vấn đề tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo. Có thể kể đến một số nghiên cứu sau:

Trong bài báo khoa học của ThS. Trần Thị Gái - Khoa Sinh học, Trường Đại học Vinh với đề tài nghiên cứu: “Xây dựng và sử dụng mô hình hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học Sinh học ở trường THPT”. Với kết quả nghiên cứu nhận thấy, mô hình hoạt động trải nghiệm sáng tạo rất phù hợp cho việc giảng dạy sinh học ở trường phổ thông theo định hướng phát triển năng lực.

Theo PGS. TS. Đỗ Ngọc Thống, tác giả giới thiệu kinh nghiệm tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong giáo dục phổ thông nước Anh và Hàn Quốc. Đây đều là những nước đã đưa hoạt động trải nghiệm sáng tạo vào chương trình đào tạo từ sớm và đạt được những kết quả to lớn. Từ đó tác giả đưa ra kết luận: Lâu nay chương trình giáo dục phổ thông Việt Nam đã có hoạt động giáo dục nhưng chưa được chú ý đúng mức; chưa hiểu đúng vị trí, vai trò và tính chất của các hoạt động giáo dục. Chưa xây dựng được một chương trình hoạt động giáo dục đa dạng, phong phú và chi tiết với đầy đủ các thành tố của một chương trình giáo dục. Chưa có hình thức đánh giá và sử dụng kết quả các hoạt động giáo dục một cách phù hợp.

Luận văn “Thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học KHTN ở trường Trường THCS Phong Hóa – tỉnh Quảng Bình” của Đoàn Thị Nhung (2018) trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng [3] là một trong số những nghiên cứu dựa trên lý luận và kết quả khảo sát thực tiễn hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học KHTN thực tế. Đề tài nghiên cứu các nguồn tài liệu để làm rõ cơ sở lý luận về tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học nói chung, dạy học lịch sử ở trường THPT nói riêng. Điều tra, khảo sát, tìm hiểu chương trình giáo dục phổ thông môn KHTN hiện hành và chương trình mới có liên quan đến tổ chức hoạt động trải nghiệm. Đề xuất quy trình thiết kế và vận dụng các biện pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học KHTN ở trường Trường THCS Phong Hóa – tỉnh Quảng Bình.

Dựa trên tổng quan tình hình nghiên cứu hoạt động trải nghiệm hiện nay, có thể thấy rằng dạy học thông qua trải nghiệm đã được các tác giả trong và ngoài nước quan tâm. Tuy nhiên, hầu hết các tác giả lại chỉ mới nghiên cứu về ý nghĩa của hoạt động trải nghiệm và cách thức tổ chức hoạt động trải nghiệm trong giáo dục phổ thông thông qua hoạt động ngoại khóa. Do đó, đề tài chọn cách tiếp cận thiết kế hoạt động trải nghiệm trong môn học.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

- Thiết kế được một số HĐTN trong dạy học môn Khoa học Tự nhiên 6 nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của việc thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học nói chung, dạy học môn Khoa học Tự nhiên 6 nói riêng.
- Thiết kế và đánh giá được hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Khoa học Tự nhiên 6.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Khoa học Tự nhiên 6.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Nội dung nghiên cứu: Hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ đề “Vật sống”, môn Khoa học Tự nhiên 6.
- Không gian: Điều tra thực trạng về hoạt động trải nghiệm trong dạy học trên giáo viên và học sinh khối 6 THCS, địa bàn tỉnh Ninh Bình.
- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 11/2024 đến tháng 4/2025.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

- Khái quát các văn bản Nghị quyết của Đảng, Chính phủ, Bộ giáo dục về chiến lược phát triển, đổi mới giáo dục, chương trình và SGK phổ thông nói chung, hoạt động trải nghiệm trong dạy học nói riêng.
- Phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa những vấn đề lý luận về hoạt động trải nghiệm trong dạy học.
- Nghiên cứu nội dung, chương trình môn Khoa học Tự nhiên 6 và các tài liệu có liên quan làm cơ sở cho việc thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học.

5.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- Điều tra thực trạng tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học hiện nay ở trường THCS.
- Dự giờ, trao đổi, phỏng vấn trực tiếp giáo viên để tìm hiểu những khó khăn của giáo viên trong việc tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học.

5.3. Phương pháp xin ý kiến chuyên gia

Xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng dạy học của hoạt động trải nghiệm và lấy ý kiến đánh giá của chuyên gia (giáo viên dạy môn Khoa học Tự nhiên) về hiệu quả của các hoạt động trải nghiệm đã thiết kế.

5.4. Phương pháp thống kê toán học

Phân tích, xử lý số liệu các kết quả thu được qua điều tra thực trạng.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học

Đề tài góp phần hệ thống hóa cơ sở lí luận và thực tiễn của hoạt động trải nghiệm trong dạy học.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Hệ thống hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Khoa học tự nhiên 6 là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho giảng viên, sinh viên ngành Sư phạm Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Hoa Lư và giáo viên dạy môn Khoa học Tự nhiên ở trường THCS.

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Hoạt động trải nghiệm

1.1.1.1. Khái niệm và vai trò của hoạt động trải nghiệm trong dạy học

a. Hoạt động trải nghiệm là gì?

Học từ trải nghiệm, hay còn gọi là hoạt động trải nghiệm, có nhiều điểm tương đồng với phương pháp “học qua làm” hay “học qua thực hành”, tuy nhiên vẫn có những nét đặc trưng riêng. Nếu như “học qua làm” tập trung vào việc rèn luyện thao tác kỹ thuật, chú trọng quy trình, động tác và kết quả chung, thì “học từ trải nghiệm” nhấn mạnh đến sự tham gia toàn diện của người học không chỉ về mặt hành động mà còn ở khía cạnh cảm xúc, ý chí và các trạng thái tâm lý khác mang tính cá nhân (Kolb, 1984) [11].

Từ góc nhìn này, hoạt động trải nghiệm trong dạy học được hiểu là những nhiệm vụ học tập mà trong đó học sinh được khuyến khích chủ động tham gia vào toàn bộ quy trình từ đề xuất ý tưởng, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện đến đánh giá kết quả. Thông qua đó, học sinh không chỉ lĩnh hội kiến thức mà còn phát triển kỹ năng, năng lực và hình thành phẩm chất cá nhân. Giáo viên trong quá trình này đóng vai trò là người định hướng, hỗ trợ và tạo động lực học tập. Các hoạt động trải nghiệm thường được triển khai theo một chu trình, trong đó học sinh vận dụng vốn sống, kinh nghiệm cá nhân để giải quyết vấn đề ở giai đoạn đầu, và ở giai đoạn cuối, có thể linh hoạt áp dụng kiến thức đã học vào những tình huống thực tiễn trong đời sống và xã hội một cách sáng tạo và hiệu quả (Nguyễn Thị Thanh, 2020; Bộ GD&ĐT, 2018) [1] [6].

b. Vai trò của hoạt động trải nghiệm

- HĐTN là mô hình học tập, là cách học, là chiến lược học

Theo Trần Bá Hoành “cốt lõi của học là cách học” [9]. Ngày nay, tri thức của loài người đang tăng rất nhanh, đổi mới rất nhanh về chất lượng và nội dung giáo dục. Kéo theo sự phát triển về kinh tế - xã hội là sự phát sinh rất nhiều vấn đề có vấn đề, đòi hỏi HS cần phải biết cách học, cách tư duy và khả năng giải quyết vấn đề. Tổ chức UNESCO các quốc gia cần coi mục đích học

tập là “học để biết cách học” (learning to learn), đó là điều kiện tối ưu giúp người học có thể tự học suốt đời [11].

Với rất nhiều các dạng hoạt động trải nghiệm khác nhau, khi HS tham gia, HS sẽ hình thành thêm các chiến lược học tập có hiệu quả để có thể tiếp cận, thu thập và ghi nhớ thông tin khác nhau trong quá trình học như: tham quan, khảo sát thực tế (trực quan), thực hành thao tác thí nghiệm, thảo luận nhóm,...

- HĐTN tạo nên phong cách học cân bằng

Khi tổ chức HĐTN bao giờ cũng cần đi từ cái dễ đến cái khó, từ cái cụ thể đến cái trừu tượng, từ lý thuyết đến thực tiễn. Vì sự logic của một mô hình HĐTN như vậy đã tạo nên sự cân bằng trong quá trình học tập của HS.

- HĐTN giúp phát triển năng lực người học

HĐTN là hoạt động giữ vai trò rất quan trọng trong chương trình giáo dục phổ thông mới. Hoạt động này giúp cho học sinh có nhiều cơ hội trải nghiệm để vận dụng những kiến thức học được vào thực tiễn từ đó hình thành năng lực thực tiễn cũng như phát huy tiềm năng sáng tạo của bản thân.

Thông qua HĐTN, HS sẽ hình thành và phát triển được các NL cốt lõi như: NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tính toán, NL tìm hiểu tự nhiên và xã hội, NL tin học, NL công nghệ, NL thẩm mỹ, NL thể chất.

Chính vì vậy, đầu ra của HĐTN khá đa dạng và khó xác định mức độ chung, nhất là khi nó luôn gắn với cảm xúc – lĩnh vực mang tính chủ quan cao, cũng là cơ sở quan trọng của sự hình thành sự sáng tạo và phân hóa HS.

1.1.1.2. Nội dung và các loại hình tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh THCS

a. Nội dung

Chương trình Hoạt động trải nghiệm bao gồm 4 nhóm nội dung hoạt động cụ thể: Hoạt động phát triển cá nhân, Hoạt động lao động, Hoạt động xã hội và phục vụ cộng đồng, Hoạt động giáo dục hướng nghiệp.

Bốn nhóm nội dung hoạt động này được thực hiện thông qua bốn loại hình hoạt động chủ yếu: Sinh hoạt dưới cờ, Sinh hoạt lớp, Hoạt động giáo dục theo chủ đề và Hoạt động câu lạc bộ. Các loại hình này cũng sẽ đổi mới về cách thức tổ chức theo hướng tăng cường sự trải nghiệm của học sinh.

Một số nội dung sinh hoạt Sao Nhi đồng, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam được tích hợp trong nội dung các hoạt động trên.

Ở THCS, chương trình tập trung nhiều hơn vào các hoạt động xã hội, hoạt động phục vụ cộng đồng và bắt đầu đẩy mạnh các hoạt động giáo dục hướng nghiệp. Tuy nhiên, hoạt động phát triển cá nhân, hoạt động lao động vẫn được tập trung chú ý để phát triển các phẩm chất và năng lực của học sinh.

b. Các loại hình tổ chức hoạt động trải nghiệm

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, hoạt động trải nghiệm được tổ chức dưới nhiều hình thức đa dạng nhằm phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực của học sinh. Chủ đề “Vật sống” trong chương trình Khoa học Tự nhiên 6 giúp học sinh hình thành các khái niệm ban đầu về sinh vật, đặc điểm của vật sống, sự đa dạng và vai trò của sinh vật trong tự nhiên. Đây là nội dung có nhiều tiềm năng để tổ chức các hoạt động trải nghiệm gắn với thực tiễn, từ đó phát triển năng lực tìm hiểu tự nhiên, tư duy khoa học và tình yêu môi trường sống.

Các loại hình tổ chức hoạt động trải nghiệm có thể được phân loại như sau:

Khám phá – Thực tế: Bao gồm các hoạt động như tham quan, dã ngoại, cắm trại, thực địa, giúp học sinh tiếp xúc trực tiếp với môi trường tự nhiên và xã hội, từ đó phát triển kỹ năng quan sát, tư duy phản biện và tình yêu quê hương đất nước [1].

- Hoạt động gợi ý:

+ Học sinh thực hiện quan sát và ghi chép về sinh vật sống trong sân trường, vườn nhà hoặc công viên gần trường.

+ Mỗi nhóm sẽ lập sổ tay sinh vật: vẽ hình, mô tả đặc điểm, môi trường sống.

+ So sánh với vật không sống để xác định đặc điểm của “vật sống” [6].

Thế nghiệm – Tương tác: Gồm các hoạt động như diễn đàn, hội thảo, sân khấu hóa, trò chơi, tạo cơ hội cho học sinh thể hiện ý kiến, giao lưu, hợp tác và rèn luyện kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề [1].

- Hoạt động gợi ý:

Tổ chức trò chơi phân loại sinh vật theo tiêu chí “vật sống – vật không sống”, “thực vật – động vật”,... hoặc sân khấu hóa các đặc điểm của vật sống (ví dụ: nhóm diễn tiểu phẩm về "quá trình lớn lên", "sinh sản", "trao đổi chất").

- Diễn đàn nhỏ: “Tại sao cây xanh được coi là vật sống?”, học sinh chia sẻ quan điểm cá nhân, phản biện lẫn nhau [4].

Cống hiến – Phục vụ cộng đồng: Bao gồm các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, lao động công ích, giúp học sinh phát triển tinh thần trách nhiệm, lòng nhân ái và ý thức công dân [1].

- Hoạt động gợi ý: Học sinh tham gia trồng cây xanh ở sân trường hoặc tại gia đình, lập nhật ký theo dõi sự phát triển của cây – từ đó ghi nhận đặc điểm của vật sống như sinh trưởng, cảm ứng, sinh sản...

- Tuyên truyền bảo vệ sinh vật quanh trường (cấm bắt côn trùng có ích, bảo vệ cây bóng mát,...) [1].

Nghiên cứu – Sáng tạo:

Gồm các hoạt động như thực hiện dự án, nghiên cứu khoa học, thực hành, thí nghiệm, câu lạc bộ học thuật, khuyến khích học sinh phát triển khả năng tư duy sáng tạo, nghiên cứu và ứng dụng kiến thức vào thực tiễn [6].

Việc tổ chức các loại hình hoạt động trải nghiệm cần linh hoạt, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của học sinh và điều kiện thực tế của nhà trường, nhằm đảm bảo hiệu quả giáo dục toàn diện [1].

- Hoạt động gợi ý:

+ Làm mô hình chuỗi sự sống đơn giản (cây → sâu → chim).

+ Dự án nhóm: “Khám phá một vật sống quanh em” – học sinh lựa chọn một sinh vật (con mèo, cây xương rồng, giun đất...) để nghiên cứu và trình bày đặc điểm sống.

+ Thực hiện các bài thực hành, thí nghiệm.

1.1.2. Khái quát về nội dung chương trình và sách giáo khoa môn Khoa học Tự nhiên lớp 6 chủ đề “Vật sống”

1.1.2.1. Yêu cầu cần đạt

Trong chương trình Khoa học Tự nhiên lớp 6 theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, chủ đề “Vật sống” có vai trò quan trọng trong việc giúp học sinh xây dựng nền tảng kiến thức về sinh học, đồng thời phát triển các kỹ năng quan sát, phân tích và ứng dụng vào đời sống thực tế.

Mở đầu, học sinh cần hiểu được tế bào là đơn vị cơ bản của tất cả các sinh vật sống. Các em sẽ học về cấu trúc của tế bào, gồm màng tế bào, chất tế bào và nhân tế bào, và tìm hiểu chức năng của từng phần. Ngoài ra, các em cũng sẽ nhận thức được vai trò của lục lạp trong việc thực hiện quá trình quang hợp ở thực vật. Việc quan sát tế bào qua kính hiển vi và thực hành vẽ tế bào giúp học sinh nâng cao khả năng quan sát và củng cố kiến thức sinh học.

Tiếp theo, học sinh sẽ được tìm hiểu về cách thức tổ chức các cơ thể sống, từ tế bào đến mô, cơ quan và hệ cơ quan. Qua đó, học sinh sẽ nắm vững mối quan hệ giữa các cấp tổ chức cơ thể và làm quen với sự phân biệt giữa cơ thể đơn bào và đa bào.

Chủ đề này cũng đề cập đến vấn đề phân loại và đa dạng sinh học, giúp học sinh nhận thức rõ sự phong phú của thế giới sinh vật. Các em sẽ được giới thiệu về cách phân loại sinh vật qua khóa lưỡng phân, đồng thời nắm bắt được các cấp phân loại từ loài đến giới. Bên cạnh đó, học sinh cũng sẽ tìm hiểu về năm giới sinh vật và các ví dụ minh họa cho từng nhóm sinh vật.

Bên cạnh đó, học sinh sẽ được làm quen với những nhóm sinh vật đặc trưng như virus, vi khuẩn, nguyên sinh vật, nấm, thực vật và động vật. Họ sẽ học cách phân biệt giữa các nhóm sinh vật này thông qua quan sát hình ảnh và

mẫu vật, đồng thời tìm hiểu về vai trò, ứng dụng và tác hại của mỗi nhóm sinh vật trong cuộc sống.

Chủ đề này cũng giúp học sinh nâng cao ý thức bảo vệ đa dạng sinh học và hiểu được tầm quan trọng của các sinh vật trong hệ sinh thái. Các em sẽ được hướng dẫn về cách thức bảo vệ sinh vật và đa dạng sinh học trong tự nhiên, đồng thời phát triển kỹ năng tìm hiểu, quan sát và phân tích các sinh vật qua các phương pháp thực tế như ghi chép, chụp ảnh, và xây dựng báo cáo.

Như vậy, yêu cầu cần đạt của chủ đề “Vật sống” không chỉ giúp học sinh lĩnh hội kiến thức sinh học cơ bản mà còn trang bị các kỹ năng quan sát, phân tích và ứng dụng vào thực tiễn. Điều này phản ánh mục tiêu của chương trình giáo dục hiện nay, nhằm phát triển toàn diện năng lực học sinh.

1.1.2.2. Cấu trúc chương trình

Chủ đề “Vật sống” trong môn Khoa học Tự nhiên 6 được chia thành 3 nội dung chính: “Tế bào - Đơn vị của sự sống”, “Từ tế bào đến cơ thể” và “Đa dạng thế giới sống”. Không chỉ là nền tảng kiến thức về sinh học mà còn giúp hình thành, phát triển các kỹ năng quan sát, phân tích và ứng dụng vào đời sống thực tế.

“Tế bào - Đơn vị của sự sống” nghiên cứu về đơn vị cấu trúc và chức năng cơ bản của tất cả các sinh vật sống. Nội dung các bài học chủ yếu bao gồm việc nghiên cứu cấu trúc của tế bào với ba thành phần chính: màng tế bào, chất tế bào và nhân tế bào, cùng chức năng của từng phần. Học sinh cũng học cách phân biệt tế bào động vật và tế bào thực vật, đồng thời tìm hiểu quá trình sinh trưởng và phân chia tế bào, từ đó nhận thức được vai trò thiết yếu của tế bào trong việc duy trì sự sống và phát triển của sinh vật.

Đối với nội dung “Từ tế bào đến cơ thể” nghiên cứu sự tổ chức của cơ thể sống từ cấp độ tế bào đến cấu trúc phức tạp hơn như mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể. Các bài học của nội dung này tập trung vào việc giải thích cách các tế bào với các chức năng và đặc điểm khác nhau kết hợp để tạo thành mô, các mô sau đó hợp lại thành cơ quan, và các cơ quan tương tác trong các hệ cơ quan để thực hiện các chức năng sinh lý quan trọng. Chủ đề này giúp học sinh hiểu

được quá trình tổ chức và liên kết giữa các thành phần cấu trúc trong cơ thể, từ đó nắm bắt được mối quan hệ mật thiết giữa các cấp tổ chức và vai trò của chúng trong việc duy trì sự sống.

Phần nội dung “Đa dạng thế giới sống” sẽ mang đến một cái nhìn rộng lớn về sự phong phú và đa dạng của các sinh vật trong tự nhiên. Ở nội dung này sẽ giải thích cách phân loại sinh vật thành các nhóm khác nhau dựa trên các đặc điểm chung, chẳng hạn như thực vật, động vật, nấm, vi khuẩn và virus. Học sinh sẽ được tìm hiểu về sự đa dạng của mỗi nhóm sinh vật, từ cấu trúc, chức năng, đến môi trường sống của chúng. Chủ đề này cũng giúp học sinh nhận thức được vai trò của mỗi nhóm sinh vật trong hệ sinh thái, cũng như tầm quan trọng của việc bảo vệ sự đa dạng sinh học để duy trì cân bằng tự nhiên và sự sống trên Trái Đất.

Sau khi học xong ba nội dung “Tế bào - Đơn vị của sự sống”, “Từ tế bào đến cơ thể” và “Đa dạng thế giới sống”, học sinh không chỉ hiểu rõ các nguyên lý cơ bản về cấu trúc và chức năng của tế bào, mà còn nhận thức được cách các tế bào kết hợp thành các mô, cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể sống. Đồng thời, học sinh cũng hiểu về sự phong phú và đa dạng của các sinh vật trong tự nhiên, và mối quan hệ giữa chúng với môi trường sống. Những kiến thức này giúp học sinh phát triển tư duy hệ thống về sự sống, đồng thời nâng cao ý thức bảo vệ sức khỏe và bảo tồn thiên nhiên. Học sinh cũng sẽ thấy rõ tầm quan trọng của việc duy trì sự cân bằng sinh thái để bảo vệ môi trường và sự bền vững của thế giới sống.

1.2. Cơ sở thực tiễn

1.2.1. Khái quát về quá trình điều tra

1.2.1.1. Mục đích điều tra

Mục đích điều tra của đề tài là tìm hiểu thực trạng và hiệu quả việc sưu tầm và thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ đề “Vật sống” môn Khoa học Tự nhiên lớp 6. Cụ thể, điều tra nhằm xác định cách thức thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm trong các bài giảng của chủ đề “Vật sống”, cũng như tác động của việc tích hợp hoạt động trải nghiệm trong dạy học nâng cao

hiệu quả học tập của học sinh; tìm hiểu các khó khăn và thuận lợi mà giáo viên gặp phải khi tổ chức hoạt động trải nghiệm, từ đó đưa ra những kiến nghị và giải pháp hỗ trợ việc thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm trong giảng dạy môn KHTN 6, giúp nâng cao chất lượng và tính thực tiễn của các bài học.

1.2.1.2. Đối tượng điều tra

Đối tượng điều tra của đề tài là giáo viên nói chung, giáo viên dạy học môn KHTN và học sinh khối 6 tại một số trường THCS trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Đây là lực lượng trực tiếp thiết kế và tổ chức dạy học chủ đề “Vật sống”, đồng thời là người trực tiếp ứng dụng và tích hợp hoạt động trải nghiệm trong giảng dạy

Khảo sát nhằm tìm ra những thuận lợi, khó khăn và đề xuất trong quá trình tích hợp, thiết kế hoạt động trải nghiệm vào dạy học môn KHTN. Từ đó làm cơ sở đề xuất các giải pháp phù hợp, thiết thực để nâng cao chất lượng và hiệu quả việc tích hợp hoạt động trải nghiệm trong dạy học.

1.2.1.3. Nội dung điều tra

a. Đối với giáo viên

Nội dung điều tra tập trung làm rõ một số vấn đề liên quan đến thực trạng và hiệu quả của việc tích hợp, sử dụng hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ đề “Vật sống” của giáo viên môn Khoa học Tự nhiên lớp 6. Cụ thể gồm các nội dung sau:

- Tìm hiểu thực trạng thực tiễn: Điều tra xem giáo viên có đồng thuận với việc tích hợp hoạt động trải nghiệm vào dạy học chủ đề “Vật sống” môn KHTN 6 không?

- Khảo sát về mức độ tổ chức, mục tiêu và cách thức tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ đề “Vật sống” môn Khoa học Tự nhiên 6.

- Đánh giá hiệu quả sử dụng hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn KHTN: Điều tra nhận định của giáo viên về những tác động của việc tích hợp hoạt động trải nghiệm vào dạy học môn KHTN đối với học sinh - về mức độ hứng thú, khả năng tiếp thu kiến thức, phát triển tư duy và năng lực vận dụng vào đời sống.

- Xác định những thuận lợi và khó khăn: Thu thập thông tin về các yếu tố thuận lợi (cơ sở vật chất, tài nguyên sẵn có, sự hỗ trợ từ nhà trường...) và khó khăn (thiếu thời gian, thiếu tài liệu phù hợp, kỹ năng khai thác tư liệu...) mà giáo viên gặp phải trong quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm.

- Ghi nhận đề xuất, kiến nghị từ phía giáo viên: Lắng nghe ý kiến đề xuất của giáo viên về nhu cầu bồi dưỡng, hỗ trợ chuyên môn, chia sẻ nguồn tài liệu, cũng như các giải pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả việc sử dụng hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ đề “Vật sống”.

b. Đối với học sinh.

- Khảo sát về mức độ hứng thú, suy nghĩ của học sinh đối với môn học và mong muốn của HS về các hoạt động trải nghiệm trong chủ đề “Vật sống” môn KHTN 6.

- Ghi nhận đề xuất, kiến nghị của HS: Lắng nghe đề xuất của HS về mong muốn đối với việc tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ đề “Vật sống” môn KHTN 6.

1.2.1.4. Các phương pháp điều tra

- Phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi: Bảng hỏi được sử dụng để thu thập thông tin từ giáo viên về các vấn đề liên quan đến việc thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học. Các câu hỏi được thiết kế dưới dạng câu hỏi đóng và mở để giáo viên có thể trả lời dễ dàng, đồng thời cung cấp thông tin chi tiết về thực trạng, khó khăn và đề xuất của họ.

- Phương pháp khảo sát bằng phiếu: Phiếu hỏi được sử dụng để thu thập thông tin từ học sinh về các vấn đề liên quan tới tích hợp hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ đề “Vật sống” môn KHTN 6

- Phương pháp quan sát: Quan sát trực tiếp các tiết dạy của giáo viên trong lớp học là phương pháp giúp ghi nhận cách thức tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ đề “Vật sống” và những tác động đối với học sinh.

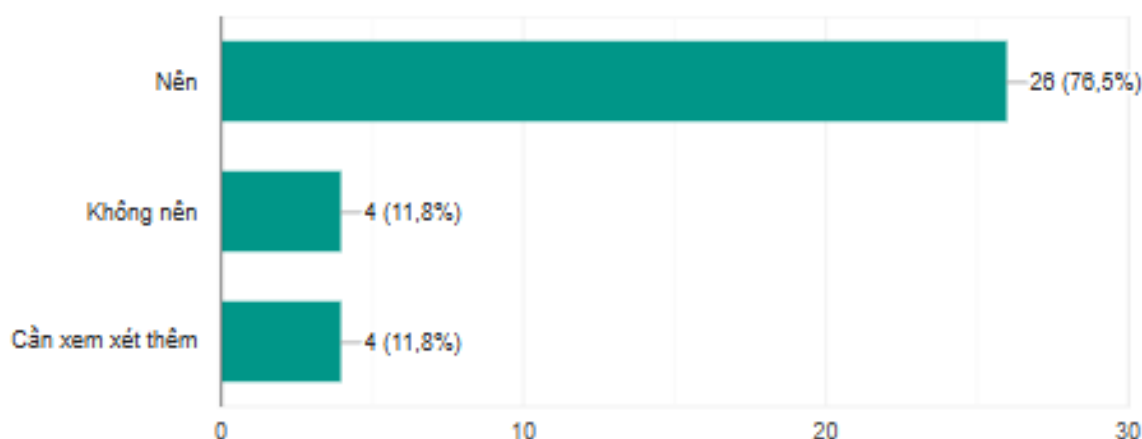
- Phương pháp phân tích tài liệu: Phân tích các tài liệu liên quan kế hoạch bài giảng và các tài liệu học tập mà giáo viên sử dụng trong quá trình dạy học.

Phương pháp này giúp hiểu rõ hơn về cách giáo viên tổ chức và thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn KHTN

1.2.2. Kết quả điều tra

1.2.2.1. Nhận thức của giáo viên THCS về vai trò, ý nghĩa của hoạt động trải nghiệm trong dạy học

Kết quả khảo sát 34 giáo viên THCS cho thấy phần lớn giáo viên có nhận thức tích cực về vai trò và ý nghĩa của hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Khoa học Tự nhiên, đặc biệt là với chủ đề “Vật sống”. Cụ thể, có đến 76,5% giáo viên cho rằng “nên” tích hợp hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ đề này; 11,8% lựa chọn “cần xem xét thêm” và 11,8% bày tỏ ý kiến “không nên”, thể hiện sự đa dạng trong quan điểm, đồng thời phản ánh một bộ phận nhỏ giáo viên còn có sự băn khoăn về điều kiện triển khai thực tế.



Biểu đồ 1.1. Ý kiến của GV về việc tích hợp HĐTN trong dạy học môn KHTN

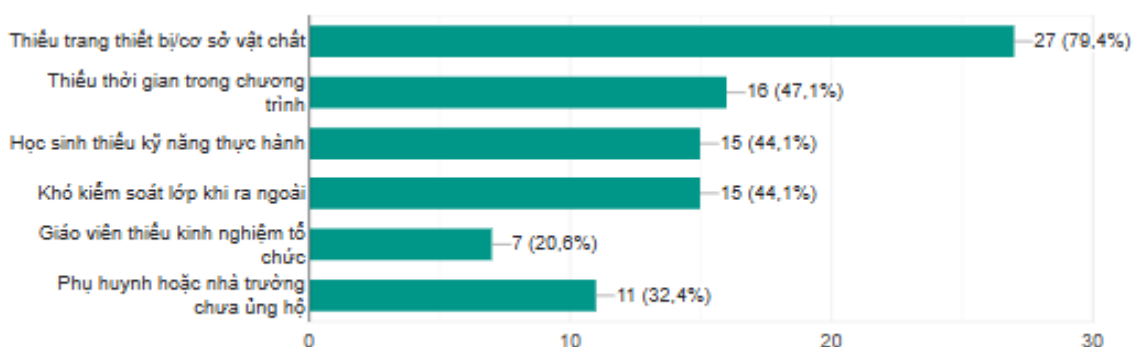
Về mục tiêu của hoạt động trải nghiệm, đa số giáo viên lựa chọn các mục tiêu mang tính tích hợp và phát triển năng lực, như: Gây hứng thú học tập, khơi gợi sự tò mò khoa học; Hình thành kiến thức thông qua quan sát, thực hành; Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình; Phát triển năng lực giải quyết vấn đề từ thực tiễn; Hình thành thái độ yêu thiên nhiên và bảo vệ sinh vật. Những mục tiêu này cho thấy giáo viên đánh giá cao vai trò của hoạt động trải nghiệm trong việc hỗ trợ học sinh phát triển toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng và thái độ.

Các hình thức hoạt động trải nghiệm được giáo viên lựa chọn nhiều gồm: quan sát vườn trường hoặc nuôi sinh vật nhỏ tại lớp, tham quan thực địa (trại giống, bảo tàng, khu sinh thái...), làm dự án nhóm, giao nhiệm vụ tìm hiểu tại nhà, tổ chức trò chơi hoặc sân khấu hóa. Trong đó, hình thức kết hợp nhiều phương pháp đa dạng là xu hướng được nhiều giáo viên ưu tiên.



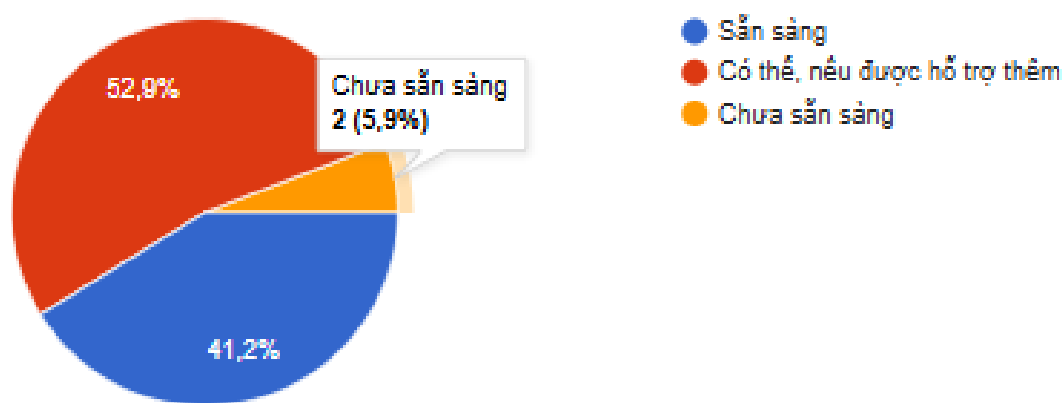
Biểu đồ 1.2. Tỷ lệ các hình thức hoạt động được GV lựa chọn

Mặc dù 100% tỉ lệ giáo viên đã thực hiện tích hợp hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn KHTN và đánh giá cao ý nghĩa của hoạt động trải nghiệm, giáo viên vẫn gặp phải một số khó khăn lớn khi triển khai. Đáng chú ý, 79,4% giáo viên phản ánh các vấn đề chủ yếu như: thiếu trang thiết bị/cơ sở vật chất, thiếu thời gian trong chương trình, học sinh thiếu kỹ năng thực hành và làm việc nhóm, khó kiểm soát lớp khi ra ngoài lớp học, phụ huynh hoặc nhà trường chưa ủng hộ, giáo viên thiếu kinh nghiệm tổ chức.



Biểu đồ 1.3. Các khó GV gặp phải khi thực hiện tích hợp hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn KHTN

Tuy vậy, khảo sát cũng cho thấy tinh thần tích cực của đội ngũ giáo viên: 41,2% giáo viên sẵn sàng áp dụng ngay nếu có cơ hội và 52,9% cho biết sẽ tham gia nếu được hỗ trợ thêm, đặc biệt là về cơ sở vật chất và bồi dưỡng chuyên môn. Chỉ 5,9% giáo viên cho rằng mình chưa sẵn sàng áp dụng.



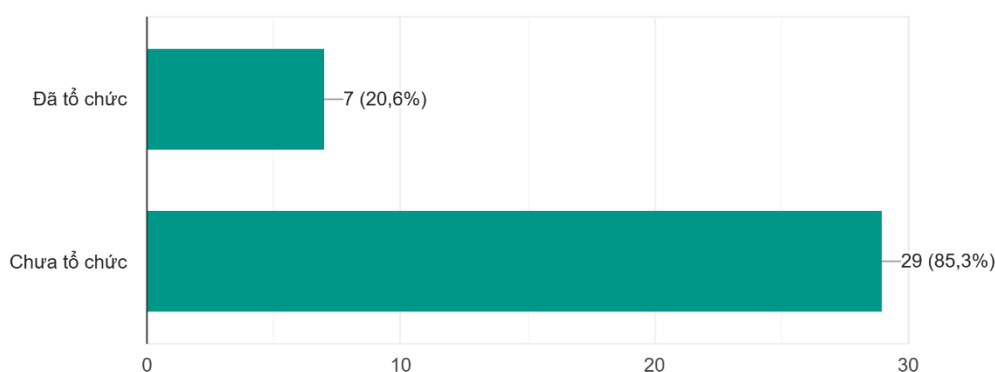
Biểu đồ 1.4. Tỷ lệ đồng ý, sẵn sàng của GV về việc tích hợp HĐTN trong dạy học môn KHTN

Từ những kết quả trên, có thể khẳng định rằng đa số giáo viên nhận thức rõ lợi ích của hoạt động trải nghiệm và có mong muốn triển khai trong dạy học chủ đề “Vật sống” môn Khoa học Tự nhiên 6. Tuy nhiên, để việc triển khai đạt hiệu quả và bền vững, cần có sự hỗ trợ cụ thể từ phía nhà trường, ngành giáo dục và xã hội về điều kiện tổ chức, thời lượng chương trình, cũng như đào tạo nâng cao năng lực tổ chức hoạt động cho giáo viên.

1.2.2.2. Thực trạng của việc tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Khoa học Tự nhiên 6

Phần lớn giáo viên đều có nhận thức đúng đắn về vai trò của hoạt động trải nghiệm trong môn Khoa học Tự nhiên. Họ đánh giá cao khả năng của hoạt động này trong việc phát triển tư duy, rèn luyện kỹ năng thực hành và tăng cường kết nối giữa kiến thức sách vở với thực tiễn cuộc sống. Điều này cho thấy cơ sở nhận thức và tư tưởng đã khá sẵn sàng cho việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh.

Tuy có nhận thức tích cực, nhưng thực tế triển khai hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ đề “Vật sống” vẫn còn hạn chế. Chỉ khoảng 20,6% giáo viên được khảo sát cho biết đã từng tổ chức hoạt động trải nghiệm trong chủ đề này. Điều đó cho thấy mức độ ứng dụng thực tế còn thấp, hoạt động trải nghiệm chưa được phổ biến rộng rãi trong dạy học. Các hoạt động được tổ chức chủ yếu mang tính quan sát hoặc thao tác trực tiếp với vật thật (ví dụ: quan sát mẫu vật, tìm lộn, phân biệt vật sống - vật không sống). Những hình thức như tham quan thực địa, dự án nhỏ, trò chơi khoa học vẫn ít được áp dụng.



Biểu đồ 1.5. Tỷ lệ GV đã tổ chức HĐTN trong dạy học chủ đề “Vật sống” môn KHTN

Điều này cho thấy sự sáng tạo và đổi mới trong thiết kế hoạt động trải nghiệm vẫn còn hạn chế. Tín hiệu tích cực là đa số giáo viên thể hiện mong muốn được tham gia tổ chức hoạt động trải nghiệm nếu có thêm sự hỗ trợ về điều kiện và hướng dẫn chuyên môn. Một số giáo viên sẵn sàng triển khai ngay, chứng tỏ có động lực và tinh thần đổi mới trong giảng dạy.

Thực trạng triển khai hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ đề “Vật sống” của môn Khoa học Tự nhiên lớp 6 cho thấy: tuy giáo viên đã có nhận thức tích cực và tinh thần đổi mới, nhưng việc tổ chức còn chưa phổ biến, chủ yếu do điều kiện cơ sở vật chất và giới hạn thời gian. Để phát huy hiệu quả của hoạt động trải nghiệm, cần có sự đầu tư đồng bộ về thiết bị, tài liệu hướng dẫn và bồi dưỡng năng lực tổ chức cho giáo viên, từ đó góp phần nâng cao chất lượng dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 đã trình bày có hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ đề “Vật sống” của môn Khoa học tự nhiên lớp 6 theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Về mặt lý luận, khóa luận đã làm rõ các khái niệm liên quan đến hoạt động trải nghiệm, phân tích đặc điểm, vai trò, nội dung, hình thức tổ chức cũng như các tiêu chí đánh giá hoạt động trải nghiệm trong dạy học. Đồng thời, nội dung chương trình và sách giáo khoa Khoa học tự nhiên lớp 6 – chủ đề “Vật sống” cũng được phân tích như là cơ sở định hướng nội dung và yêu cầu cần đạt trong thiết kế hoạt động trải nghiệm.

Về thực tiễn, kết quả khảo sát từ giáo viên và học sinh tại một số trường trung học cơ sở cho thấy hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ đề “Vật sống” chưa được quan tâm đúng mức, còn mang tính hình thức, thiếu sự gắn kết với nội dung học tập và chưa phát huy được vai trò chủ thể của học sinh. Thực trạng này đặt ra yêu cầu cần thiết phải xây dựng và triển khai các hoạt động trải nghiệm có tính sư phạm, khoa học và phù hợp với đặc điểm bộ môn.

Những cơ sở lý luận và thực tiễn nêu trên sẽ là tiền đề cho việc thiết kế các hoạt động trải nghiệm cụ thể trong chương 2 của khóa luận. Nội dung tiếp theo sẽ tập trung đề xuất quy trình thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ đề “Vật sống”, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học môn Khoa học tự nhiên ở trung học cơ sở.

Chương 2 : THIẾT KẾ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM TRONG DẠY HỌC MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6

2.1. Nguyên tắc và quy trình thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học

2.1.1. Nguyên tắc thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học

Theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 để hoạt động trải nghiệm trong dạy học đạt hiệu quả, việc thiết kế cần tuân thủ một số nguyên tắc sư phạm và khoa học sau:

a. Đảm bảo tính mục tiêu

Hoạt động trải nghiệm phải gắn liền với mục tiêu giáo dục nói chung và mục tiêu bài học nói riêng, hướng đến việc phát triển phẩm chất và năng lực học sinh theo định hướng của Chương trình GDPT 2018.

b. Đảm bảo tính khoa học và sư phạm

Nội dung của hoạt động trải nghiệm phải chính xác, phù hợp với kiến thức khoa học và tâm sinh lý lứa tuổi học sinh; đồng thời, phải đảm bảo tính giáo dục, góp phần hình thành thái độ và giá trị tích cực.

c. Đảm bảo tính thực tiễn và gắn với đời sống

Hoạt động cần được thiết kế dựa trên những tình huống, hiện tượng gần gũi với thực tiễn, tạo điều kiện để học sinh áp dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề thực tế.

d. Đảm bảo tính tích hợp và liên môn

Hoạt động trải nghiệm cần phát huy được khả năng kết nối giữa các mạch kiến thức trong môn học cũng như giữa các môn học khác nhau, giúp học sinh có cái nhìn toàn diện về hiện tượng tự nhiên.

e. Phát huy tính chủ động, tích cực của học sinh

Hoạt động cần được tổ chức theo hướng lấy người học làm trung tâm, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, sáng tạo, tự khám phá và rút ra bài học từ trải nghiệm.

f. Đảm bảo tính linh hoạt và phù hợp với điều kiện thực tiễn

Thiết kế hoạt động cần linh hoạt theo điều kiện cơ sở vật chất, trình độ học sinh và bối cảnh nhà trường; tránh rập khuôn hoặc quá nặng tính hình thức.

2.1.2. Quy trình thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học

Quy trình thiết kế hoạt động trải nghiệm có thể được thực hiện qua các bước sau:

Bước 1: Xác định tên chủ đề

Lựa chọn tên chủ đề theo phân phối chương trình

Bước 2: Xác định mục tiêu của hoạt động trải nghiệm

Dựa trên yêu cầu cần đạt của bài học/chủ đề, xác định rõ phẩm chất, năng lực và kiến thức kỹ năng học sinh cần đạt được thông qua hoạt động.

Bước 3: Lựa chọn nội dung và hình thức tổ chức hoạt động

Chọn nội dung phù hợp với chủ đề học tập và đặc điểm lứa tuổi học sinh; lựa chọn hình thức tổ chức (cá nhân, nhóm, lớp; trong lớp, ngoài lớp...) phù hợp với mục tiêu và điều kiện thực tế.

Bước 4: Công tác chuẩn bị

- Chuẩn bị tài liệu, phương tiện, dụng cụ cần thiết.
- Dự kiến các tình huống có thể xảy ra và cách xử lý.

Bước 5: Tổ chức thực hiện hoạt động

Giáo viên tổ chức, hướng dẫn và hỗ trợ học sinh thực hiện hoạt động; điều phối, quan sát và khuyến khích học sinh tham gia tích cực; tạo điều kiện cho học sinh phản hồi, tương tác và hợp tác.

Bước 6: Thảo luận, rút kinh nghiệm và đánh giá

Tổ chức cho học sinh trình bày, chia sẻ kết quả và cảm nhận; giáo viên hướng dẫn học sinh rút ra bài học từ trải nghiệm. Đánh giá mức độ đạt được mục tiêu của hoạt động bằng các tiêu chí phù hợp.

2.2. Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Khoa học Tự nhiên 6 chủ đề “Vật sống”

2.2.1. Kết quả thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Khoa học tự nhiên 6

Bảng 2.1. Bảng tổng kết, kết quả thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn KHTN 6

STT	Bài	Tên Bài
1	22	Phân loại thế giới sống
2	26	Thực hành quan sát vi khuẩn, Tìm hiểu cách làm sữa chua
3	32	Thực hành quan sát và phân loại động vật ngoài tự nhiên

Vận dụng 6 bước trong quy trình thiết kế hoạt động trải nghiệm để thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học các bài thực hành, thí nghiệm theo thứ tự các bước từ mục 1. Xác định tên chủ đề – bước 1 cho đến mục 6. Thảo luận, rút kinh nghiệm và đánh giá – bước 5.

2.2.1.1. Bài 22: Phân loại thế giới sống

Tên chủ đề: “Thế giới quanh em”

Thời lượng: 120 phút

1. Yêu cầu cần đạt

1.1. Kiến thức

- Học sinh nhận biết được sự đa dạng sinh vật trong tự nhiên.
- Hiểu được sự cần thiết và các nguyên tắc phân loại sinh vật dựa trên các đặc điểm hình thái và sinh học.

1.2. Phẩm chất

- Hứng thú khi khám phá sự đa dạng sinh giới, tôn trọng sự sống.
- Tích cực tham gia hoạt động nhóm, ghi chép trung thực thông tin.
- Có ý thức giữ gìn, bảo vệ sự đa dạng sinh học; nghiêm túc trong thực hiện nhiệm vụ học tập.

1.3. Năng lực

1.3.1. Năng lực chung

- Quan sát, tìm hiểu tự nhiên: Tìm kiếm và nhận dạng sinh vật trong môi trường sống tự nhiên.

- Giao tiếp – hợp tác: Làm việc nhóm để ghi chép, trao đổi, phân loại.
- Giải quyết vấn đề – sáng tạo: Đề xuất cách phân loại sinh vật quan sát được.
- Tự chủ – tự học: Tự tìm hiểu và hoàn thiện phiếu điều tra sinh vật.

1.3.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Nhận thức khoa học tự nhiên: Nhận biết được đặc điểm cơ bản của các nhóm sinh vật và sự đa dạng của thế giới sống.
- Tìm hiểu tự nhiên: Ghi chép, thu thập và xử lý thông tin về sinh vật ngoài thực địa
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Vận dụng kiến thức để phân loại sinh vật quanh em, liên hệ đến môi trường sống, bảo tồn đa dạng sinh học.

2. Nội dung và hình thức tổ chức

Hình thức: Hoạt động thực địa ngoài trời.

Nội dung: Tham quan trong khuôn viên trường hoặc công viên gần trường

Hoạt động 1: Khởi động

Hoạt động 2: Quan sát – Tìm hiểu – Ghi chép

Hoạt động 3: Thảo luận, Phân loại sinh vật

Hoạt động 4: Báo cáo kết quả

Thời lượng: 1 buổi (khoảng 90–120 phút)

3. Chuẩn bị trước buổi thực địa

3.1. Giáo viên

- Xin phép Ban giám hiệu, chuẩn bị nhân lực hỗ trợ.
- Khảo sát địa điểm trước (trong khuôn viên trường, vườn sinh học, công viên sinh thái...).
- Chuẩn bị:
 - + Mẫu phiếu ghi chép quan sát sinh vật
 - + Hướng dẫn phân loại đơn giản (theo đặc điểm dễ thấy)
 - + Bút màu, kính lúp, bao tay nilon, túi sinh học (nếu cần)
 - + Sơ đồ khu vực quan sát và điểm tập kết
 - + Hộp y tế và quy tắc an toàn

3.2. Học sinh

- Mặc đồng phục thể thao, giày kín mũi, mũ, mang nước uống.
- Được chia nhóm (3–5 HS/nhóm).
- Được hướng dẫn quy tắc an toàn và cách quan sát – không bắt, phá hoại sinh vật.

4. Tiến trình hoạt động

3.1. Hoạt động 1: Khởi động (10 phút)

a. Mục tiêu: Tạo không khí hứng thú cho HS, nhắc nhở nội quy

b. Tổ chức thực hiện.

- GV giới thiệu mục tiêu buổi thực địa: "Chúng ta sẽ trở thành nhà tự nhiên học nhỏ để tìm hiểu về thế giới sinh vật quanh mình."
- Hướng dẫn cách quan sát sinh vật và phân loại sơ bộ (động vật, thực vật, nấm, vi sinh...).
- Phổ biến nội quy: Không bẻ cây, không giẫm đạp cỏ, không bắt động vật...

3.2. Hoạt động 2: Quan sát – Tìm hiểu – Ghi chép (60 phút)

a. Mục tiêu:

- Tìm kiếm và nhận dạng sinh vật trong môi trường sống tự nhiên.
- Làm việc nhóm để ghi chép, trao đổi, phân loại.

b. Nội dung

- HS quan sát và phân loại trên phiếu phân loại

c. Sản phẩm.

- Nội dung ghi chép và phiếu phân loại

d. Tổ chức thực hiện

- GV tiến hành chia các nhóm lớn và giao nhiệm vụ cho các nhóm di chuyển
- Học sinh di chuyển theo nhóm đến từng khu vực đã được khoanh vùng như:
 - + Bãi cỏ
 - + Vườn cây/tiêu cảnh
 - + Gốc cây mục
 - + Gần hồ nước
- Nhiệm vụ nhóm:

+ Quan sát và ghi chép vào phiếu sau:

Tên sinh vật quan sát được	Nhóm phân loại (tạm thời)	Đặc điểm nổi bật	Môi trường sống
VD: Cây đại nhỏ có hoa tím	Thực vật có hoa	Lá hình tim, hoa 5 cánh	Bãi cỏ ven tường

3.3. Hoạt động 3: Thảo luận, Phân loại sinh vật (30 phút)

a. Mục tiêu:

- Hiểu được tiêu chí cơ bản để phân loại sinh vật, như hình dạng, cấu tạo cơ thể, môi trường sống, phương thức sinh sản,...
- Nhận biết được một số nhóm sinh vật chính trong tự nhiên (vi sinh vật, thực vật, động vật,...).
- Giải thích được vai trò của phân loại sinh vật trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học.

b. Nội dung

- HS trao đổi, thảo luận và phân loại sinh vật

c. Sản phẩm.

- Nội dung thảo luận và phiếu phân loại

d. Tổ chức thực hiện

- Sau khi trở lại điểm tập kết, từng nhóm dán tranh, trình bày ngắn (3–4 phút) các sinh vật đã quan sát được.
- GV hướng dẫn học sinh phân loại dựa theo 2 tiêu chí:
 - + Nhóm lớn: Vi khuẩn – Nấm – Thực vật – Động vật – Nguyên sinh vật
 - + Đặc điểm: Có hoa/không hoa, có chân/không chân, đơn bào/đa bào, sống trên cạn/dưới nước...
- Các nhóm bổ sung cho nhau và phản biện vui vẻ.

3.4. Hoạt động 4: Báo cáo kết quả (10 phút)

- GV chốt lại nội dung:
- + Sự đa dạng của sinh vật trong tự nhiên rất phong phú.

+ Việc phân loại sinh vật giúp con người dễ dàng nghiên cứu, bảo vệ và ứng dụng.

- Học sinh viết nhanh vào vở:

+ 3 sinh vật em thấy ấn tượng nhất và lý do

+ 1 điều em học được từ hoạt động hôm nay

4. Thảo luận, rút kinh nghiệm và đánh giá (10 phút)

- HS trình bày, chia sẻ kết quả và cảm nhận.

- GV hướng dẫn học sinh rút ra bài học từ trải nghiệm.

- GV đánh giá hoạt động của các nhóm dựa theo bảng tiêu chí sau:

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được
Số lượng sinh vật ghi chép	≥ 6 (Tốt), 4–5 (Khá), ≤ 3 (Cần cố gắng)
Mức độ phân loại đúng	Đúng $\geq 70\%$ (Tốt), 50–70% (Khá), $< 50\%$ (Cần cải thiện)
Tinh thần làm việc nhóm	Rất tích cực – Tích cực – Ít hợp tác
Thái độ với thiên nhiên	Có ý thức bảo vệ – Trung lập – Thiếu ý thức

2.2.1.2. Bài 26: Thực hành quan sát vi khuẩn. Tìm hiểu các bước làm sữa chua

Tên chủ đề: “Vi khuẩn quanh ta và ứng dụng thực tiễn”

Thời lượng: 130 phút

1. Yêu cầu cần đạt

1.1. Kiến thức

- Nhận biết được hình dạng và đặc điểm cơ bản của vi khuẩn qua kính hiển vi.
- Nêu được vai trò của vi khuẩn trong đời sống, đặc biệt là ứng dụng trong thực phẩm.
- Trình bày được các bước cơ bản để làm sữa chua.
- Hiểu được mối liên hệ giữa vi sinh vật và ứng dụng công nghệ sinh học.

1.2. Phẩm chất

- Tích cực thực hành, ghi chép trung thực kết quả quan sát.
- Hợp tác nhóm, bảo đảm an toàn trong khi thao tác và vệ sinh thực phẩm.
- Hứng thú khám phá thế giới vi sinh vật và ứng dụng vào cuộc sống hàng ngày.

1.3. Năng lực

1.3.1. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Tìm hiểu kiến thức liên quan đến vi khuẩn, quy trình làm sữa chua.
- Giao tiếp và hợp tác: Tham gia thảo luận nhóm, trình bày kết quả quan sát và sản phẩm học tập.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Giải thích vai trò vi khuẩn trong lên men sữa chua, đề xuất cải tiến quy trình dựa trên thực tế.

1.3.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Nhận thức khoa học tự nhiên: Nhận diện vi khuẩn bằng kính hiển vi, hiểu bản chất sinh học của quá trình lên men.
- Tìm hiểu tự nhiên: Thực hành quan sát vi khuẩn, thu thập thông tin từ thí nghiệm và video.
- Vận dụng kiến thức – kỹ năng: Áp dụng hiểu biết để làm sữa chua đúng quy trình và an toàn.

2. Hình thức tổ chức HĐTN

- Làm việc nhóm nhỏ (3–4 học sinh).
- Tổ chức trong phòng thực hành với sự hướng dẫn, hỗ trợ của giáo viên.
- Hình thức khám phá:
 - Quan sát: Mỗi nhóm HS quan sát mẫu vi khuẩn có sẵn dưới kính hiển vi.
 - Thực hành: Mỗi nhóm tìm hiểu quy trình làm sữa chua và tiến hành thử nghiệm (nếu có điều kiện).
 - Ghi chép, báo cáo: Rút ra vai trò của vi khuẩn và ứng dụng thực tiễn.
 - GV tiến hành chia nhóm và phân chia nhiệm vụ thực hiện luân phiên
- + Nhóm 1 và nhóm 2: Quan sát vi khuẩn
- + Nhóm 3 và nhóm 4: Tìm hiểu và thực hành quy trình làm sữa chua

Hoạt động 1: Quan sát vi khuẩn dưới kính hiển vi : GV hướng dẫn HS quan sát vi khuẩn lactic dưới kính hiển vi, nhận biết đặc điểm hình dạng cấu tạo vi khuẩn lactic và một số vi khuẩn tiêu bản mẫu

Hoạt động 2: Tìm hiểu quy trình làm sữa chua: Gv hướng dẫn các bước tiến hành và trực tiếp thực hiện cùng các nhóm làm sữa chua tại phòng thí nghiệm

Hoạt động 3: Thảo luận, trao đổi kết quả thực hành: Sau khi tiến hành hai hoạt động trên, HS trao đổi ý kiến tiến hành tổng hợp kết quả vào phiếu học tập

Hoạt động 4: Báo cáo kết quả hoạt động: Bằng kết quả thu được từ hoạt động 1 và hoạt động 2, mỗi nhóm tiến hành báo cáo kết quả hoạt động của nhóm mình

3. Công tác chuẩn bị

- Chuẩn bị

+ Dụng cụ: Kính hiển vi, lam kính, lamén, pipette, giấy lọc, cốc thủy tinh, nồi ủ, đĩa thủy tinh, chậu thủy tinh, nhiệt kế.

+ Hóa chất: Xanh methylene

+ Mẫu vật: Nước dưa muối/ nước cà muối, sữa chua, sữa đặc, nước đun sôi và nước đun sôi để nguội.

4. Tiến chức thực hiện

4.1. Hoạt động 1: Quan sát vi khuẩn dưới kính hiển vi (45 phút)

a. Mục tiêu

- Quan sát và vẽ được hình ảnh vi khuẩn. Nhận biết được một số loại vi khuẩn khác từ tiêu bản mẫu

b. Nội dung

- HS Quan sát vi khuẩn dưới kính hiển vi

c. Sản phẩm

- HS thực hiện thí nghiệm, quan sát

d. Tổ chức thực hiện

- Gv hướng dẫn các bước tiến hành, quan sát HS thực hiện quan sát tiêu bản vi khuẩn lactic trong nước dưa muối.

Bước 1: Chuẩn bị nước dưa muối. Dùng pipette lấy một vài giọt

Bước 2: Nhỏ một giọt nước đưa muối lên lam kính

Bước 3: Đậy lamên lên giọt nước đưa muối

Bước 4: Nhỏ 1 giọt xanh methylene vào cạnh góc lamên sao cho hòa lẫn với giọt nước đưa muối

Bước 5: Dùng giấy thấm nước thừa tràn ra ngoài lam kính

Bước 6: Quan sát tiêu bản dưới kính hiển vi với vật kính 10x, 40x và vẽ vi khuẩn quan sát được

- HS tiến hành thí nghiệm, quan sát vi khuẩn dưới kính hiển vi

- GV hướng dẫn các HS còn chưa biết cách quan sát và sử dụng kính hiển vi

4.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu quy trình làm sữa chua (45 phút)

a. Mục tiêu

- Nêu được các bước làm sữa chua

b. Nội dung

- HS thực hiện làm sữa chua tại phòng thí nghiệm

c. Sản phẩm

- Sữa chua thành phẩm sau khi thực hiện

d. Tổ chức thực hiện

- Gv hướng dẫn các bước tiến hành và trực tiếp thực hiện cùng các nhóm làm sữa chua

Bước 1: Mở hộp sữa đặc và đổ vào chậu thủy tinh.

Bước 2: Thêm vào chậu thủy tinh 1 lít nước theo tỉ lệ: 1/2 lít nước vừa đun sôi: 1/2 lít nước sôi để nguội và khuấy đều sao cho nhiệt độ hỗn hợp khoảng 40 °C - 50 °C.

Bước 3: Cho vào hỗn hợp trên một hộp sữa chua để bổ sung vi khuẩn lactic, khuấy nhẹ, đều tay.

Bước 4: Múc hỗn hợp sữa chua vào các cốc thủy tinh nhỏ có nắp đậy.

Bước 5: Xếp các cốc vào nồi ủ hoặc thùng xốp và ủ khoảng 8 - 12 giờ.

Bước 6: Bảo quản sữa chua đã ủ trong ngăn mát tủ lạnh.

4.3. Hoạt động 3: Thảo luận, trao đổi kết quả thực hành (30 phút)

- Sau khi tiến hành hai hoạt động trên, HS trao đổi ý kiến tiến hành tổng hợp kết quả vào phiếu học tập

Phiếu Học Tập	
Nhóm.....	Lớp.....
1. Vẽ và mô tả hình dạng vi khuẩn lactic có trong tiêu bản. 2. Vẽ và nhận dạng một số vi khuẩn có trong tiêu bản mẫu. 3. Tại sao chúng ta phải bảo quản sữa chua trong ngăn mát tủ lạnh? 	

4.4. Hoạt động 4: Báo cáo kết quả hoạt động (10 phút)

- Bằng kết quả thu được từ hoạt động 1 và hoạt động 2, mỗi nhóm tiến hành báo cáo kết quả hoạt động của nhóm mình trong thời gian 3 phút. Nội dung báo cáo phải đảm bảo:
 - + Thể hiện được kết quả về hình vẽ, chú thích, đặc điểm hình dạng vi khuẩn lactic và một số vi khuẩn trên tiêu bản mẫu
 - + Biết cách làm và bảo quản sữa chua
- Sau khi báo cáo, mỗi nhóm tự điều hành quá trình thảo luận về kết quả hoạt động trong thời gian **5 phút**.

GV tổng kết nội dung kiến thức và rút ra kết luận khoa học (5 phút)

- Sau khi 4 nhóm tiến hành báo cáo, thảo luận. GV tổng kết nội dung kiến thức cho HS. Giải quyết các vấn đề “mâu thuẫn” mà các nhóm chưa giải quyết được.

5. Thảo luận, rút kinh nghiệm và đánh giá (10 phút)

- GV đặt câu hỏi thảo luận

Câu 1: Vi khuẩn trong sữa chua có lợi như thế nào cho con người?

Câu 2: Em sẽ lưu ý điều gì khi làm sữa chua tại nhà để đảm bảo vệ sinh?

- GV đánh giá năng lực HS

+ Quan sát: Cách HS thao tác, hợp tác nhóm.

+ Phiếu báo cáo: Đúng – đủ – khoa học.

+ Tự đánh giá & GV đánh giá theo tiêu chí: Hiểu biết, kỹ năng, hợp tác, vệ sinh – an toàn.

- GV đặt các câu hỏi củng cố sau bài học

Câu 1: Vi khuẩn trong sữa chua là vi khuẩn gì?

A. Vi khuẩn gây bệnh

B. Vi khuẩn lactic

C. Vi khuẩn kháng sinh

D. Vi khuẩn thối rữa

Câu 2: Điều kiện nào dưới đây KHÔNG phù hợp để vi khuẩn lên men sữa?

A. Nhiệt độ khoảng 42°C

B. Sữa đã đun sôi để nguội

C. Môi trường quá lạnh

D. Môi trường sạch

Câu 3: Hãy mô tả các bước làm sữa chua và giải thích vai trò của vi khuẩn trong quá trình này.

.....
.....
.....

Câu 4: Nêu một số ứng dụng có lợi khác của vi khuẩn trong đời sống.

.....
.....
.....

2.2.1.3. Bài 32: Thực hành quan sát và phân loại động vật ngoài tự nhiên
Tên chủ đề: “Điều bí ẩn từ sân trường”

Thời lượng: 120 phút

1. Yêu cầu cần đạt

1.1. Kiến thức

- Quan sát và nhận biết được một số đặc điểm bên ngoài của động vật ngoài tự nhiên.
- Nhận dạng và phân loại được một số loài động vật theo tiêu chí đơn giản (có xương sống/không xương sống, kiểu di chuyển, môi trường sống...).
- Hiểu được vai trò và sự đa dạng của động vật trong tự nhiên.

1.2. Phẩm chất

- Có thái độ tôn trọng, yêu thích sinh vật trong tự nhiên.
- Hợp tác tốt, có ý thức bảo vệ môi trường sống của động vật.
- Ghi chép, báo cáo kết quả khách quan, khoa học.

1.3. Năng lực

1.3.1. Năng lực chung

- Tự học: Chủ động tìm hiểu trước về động vật quanh trường học (trên sách, internet).
- Giao tiếp – hợp tác: Làm việc nhóm để quan sát, ghi nhận và thảo luận kết quả.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân loại động vật theo đặc điểm quan sát được, đặt câu hỏi và lý giải sự phân bố của động vật.

1.3.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Nhận thức khoa học tự nhiên: Xác định đặc điểm động vật theo quan sát thực tế.

- Tìm hiểu tự nhiên: Quan sát, ghi chép, chụp ảnh (nếu có) các loài động vật trong khuôn viên trường.
- Vận dụng kiến thức: Liên hệ vai trò của động vật trong hệ sinh thái trường học và bảo vệ môi trường sống.

2. Hình thức tổ chức HĐTN

Hình thức: Hoạt động thực địa ngoài trời.

Nội dung: Tham quan trong khuôn viên trường hoặc công viên gần trường

Hoạt động 1: Quan sát ngoài tự nhiên

Hoạt động 2: Phân loại và thảo luận

Hoạt động 3: Báo cáo và kết luận

3. Chuẩn bị trước buổi thực địa

3.1. Giáo viên

- Xin phép Ban giám hiệu, chuẩn bị nhân lực hỗ trợ.
- Khảo sát địa điểm trước (trong khuôn viên trường, vườn sinh học, công viên sinh thái...).
- Chuẩn bị:
 - + Mẫu phiếu ghi chép quan sát sinh vật
 - + Hướng dẫn phân loại đơn giản (theo đặc điểm dễ thấy)
 - + Bảng ghi chú, vợt côn trùng, hộp nhựa, kính lúp, điện thoại chụp ảnh (nếu có).
 - + Hộp y tế và quy tắc an toàn

3.2. Học sinh

- Mặc đồng phục thể thao, giày kín mũi, mũ, mang nước uống.
- Được chia nhóm (3–5 HS/nhóm).
- Được hướng dẫn quy tắc an toàn và cách quan sát – không bắt, phá hoại sinh vật.

4. Tổ chức thực hiện

3.1. Hoạt động 1: Quan sát ngoài tự nhiên (60 phút)

a. Mục tiêu

- Quan sát và nhận biết được một số đặc điểm bên ngoài của động vật ngoài tự nhiên.
- Hiểu được vai trò và sự đa dạng của động vật trong tự nhiên.

b. Nội dung

- HS quan sát động vật ngoài tự nhiên

c. Sản phẩm

- Phiếu quan sát động vật của HS

d. Tổ chức thực hiện

- Giáo viên chia nhóm, phân công khu vực quan sát trong sân/vườn trường.
- Mỗi nhóm quan sát và ghi nhận ít nhất 3 – 5 loài động vật (côn trùng, giun đất, ốc sên, chim, thằn lằn...).
- HS ghi lại đặc điểm, hành vi, môi trường sống và phân loại tạm thời vào phiếu quan sát.

3.2. Hoạt động 2: Phân loại và thảo luận (30 phút)

a. Mục tiêu

- Nhận dạng và phân loại được một số loài động vật theo tiêu chí đơn giản (có xương sống/không xương sống, kiểu di chuyển, môi trường sống...).

b. Nội dung

- HS quan thảo luận và phân loại vào bảng phân loại

c. Sản phẩm

- Bảng phân loại của HS

d. Tổ chức thực hiện

- Trở lại lớp, học sinh trình bày kết quả quan sát.
- Mỗi nhóm xác định các tiêu chí phân loại và chia động vật vào nhóm thích hợp.
- Ghi kết quả vào bảng:

BẢNG PHÂN LOẠI

Tên động vật quan sát được	Đặc điểm nổi bật	Môi trường sống	Nhóm phân loại	Vai trò
VD: Ong mật	Có cánh, nhỏ, màu vàng đen	Gần hoa	Côn trùng – không xương sống	Thụ phấn cho cây

3.3. Hoạt động 3: Báo cáo và kết luận (20 phút)

- Đại diện các nhóm báo cáo trong 3 phút, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV tổng hợp kiến thức: Động vật rất đa dạng, có thể phân loại theo nhiều cách, mỗi loài có vai trò riêng.
- Nhấn mạnh ý thức bảo vệ động vật và môi trường sống.
- Học sinh viết nhanh vào vở:
 - + 3 động vật em thấy ấn tượng nhất và lý do
 - + 1 điều em học được từ hoạt động hôm nay

4. Thảo luận, rút kinh nghiệm và đánh giá (10 phút)

- HS trình bày, chia sẻ kết quả và cảm nhận.
- GV hướng dẫn học sinh rút ra bài học từ trải nghiệm.
- GV đánh giá hoạt động của các nhóm dựa theo bảng tiêu chí sau

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được
Số lượng sinh vật ghi chép	≥ 6 (Tốt), 4–5 (Khá), ≤ 3 (Cần cố gắng)
Mức độ phân loại đúng	Đúng $\geq 70\%$ (Tốt), 50–70% (Khá), $< 50\%$ (Cần cải thiện)
Tinh thần làm việc nhóm	Rất tích cực – Tích cực – Ít hợp tác
Thái độ với thiên nhiên	Có ý thức bảo vệ – Trung lập – Thiếu ý thức

2.2.2. Thiết kế hoạt động trải nghiệm thường xuyên trong các hoạt động dạy học của bài lên lớp.

Bảng 2.2. Bảng tổng kết, kết quả thiết kế hoạt động trải nghiệm thường xuyên trong các hoạt động dạy học môn KHTN 6

STT	Bài	Tên Bài
1	18	Thực hành quan sát tế bào sinh vật
2	19	Cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào
3	20	Các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào

2.2.2.1. Bài 18: Thực hành quan sát tế bào sinh vật

Tên chủ đề: “Khám phá tế bào sinh vật”

Thời lượng: 120 phút

1. Yêu cầu cần đạt

1.1. Kiến thức

- Xác định được hình dạng, đặc điểm cơ bản của tế bào sinh vật.
- Rèn luyện kỹ năng quan sát bằng kính hiển vi quang học.
- Biết cách làm tiêu bản đơn giản.

1.2. Phẩm chất

- Có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao trong nhóm, tuân thủ quy trình thực hành, bảo vệ an toàn cho bản thân và người khác.
- Cẩn thận trong thao tác thí nghiệm, ghi chép trung thực các kết quả quan sát được.
- Ham học, hứng thú khi quan sát tế bào sinh vật và khám phá thế giới vi mô.

1.3. Năng lực

1.3.1. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động tìm hiểu trước kiến thức về tế bào, kính hiển vi và cách sử dụng kính hiển vi thông qua sách giáo khoa hoặc các nguồn học liệu khác.

- Giao tiếp và hợp tác: Tham gia tích cực vào hoạt động nhóm, thảo luận, trao đổi ý kiến, phân công nhiệm vụ rõ ràng để hoàn thành thí nghiệm hiệu quả. Trình bày, lắng nghe và phản hồi ý kiến một cách xây dựng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức và kỹ năng để thao tác chính xác trong quá trình làm tiêu bản và quan sát mẫu vật; xử lý linh hoạt các tình huống phát sinh trong thực hành.

1.3.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Nhận thức khoa học tự nhiên: Hiểu được đặc điểm hình dạng, cấu trúc cơ bản của tế bào sinh vật và sự khác nhau giữa tế bào thực vật và tế bào động vật.
- Tìm hiểu tự nhiên: Quan sát được tế bào dưới kính hiển vi; ghi lại kết quả quan sát một cách khoa học, chính xác.
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Liên hệ kiến thức về tế bào vào các vấn đề thực tiễn (phân biệt các loại mô, ứng dụng trong y sinh học, nông nghiệp...).

2. Nội dung và hình thức tổ chức

- Phương pháp dạy học: Dạy học khám phá
- Làm việc theo nhóm nhỏ (3–4 HS).
- Tổ chức trong phòng thực hành và có sự hỗ trợ, điều phối của giáo viên.

Hoạt động được tổ chức theo hình thức có tính khám phá. Bao gồm:

- Quan sát: Mỗi nhóm HS tiến hành quan sát, thảo luận về hình dạng, kích thước tế bào biểu bì vảy hành, da ếch đã được chuẩn bị sẵn dưới kính hiển vi.
- Ghi chép: Sau khi quan sát, các thành viên trong một nhóm thảo luận để rút ra đặc điểm hình dạng tế bào biểu bì vảy hành và tế bào biểu bì da ếch dưới kính hiển vi và ghi chép lại.

Hoạt động 1: Quan sát mẫu vật: Cá nhân quan sát các mẫu vật được phân công theo nhóm và luân phiên thực hiện

Quan sát tế bào trứng cá bằng mắt thường, sử dụng kính hiển vi quan sát tế bào biểu bì vảy hành và tế bào biểu bì da ếch.

Hoạt động 2: Thảo luận và rút ra đặc điểm hình thái: Sau khi quan sát mẫu vật, rút ra được đặc điểm hình thái của tế bào biểu bì vảy hành và tế bào biểu bì da ếch và ghi chép vào phiếu báo cáo.

Hoạt động 3: Báo cáo kết quả hoạt động: Các nhóm cử đại diện trình bày sản phẩm của nhóm mình

- Dự kiến tình huống và cách xử lý:

+ Học sinh thao tác sai cách sử dụng kính hiển vi: GV hướng dẫn lại thao tác điều chỉnh thị kính và tiêu cự.

+ Mẫu không rõ/ Tiêu bản bị mờ: Có mẫu dự phòng cho nhóm.

+ HS không nhận ra thành thân tế bào: GV gợi ý hình dạng của các tế bào biểu bì

3. Công tác chuẩn bị

- GV chuẩn bị trước các thiết bị dụng cụ để phục vụ cho tiết thực hành:

+ Dụng cụ: Kính hiển vi, kính lúp đĩa kính đồng hồ, lam kính, kim mũi mác, phan, bình thủy tinh

+ Hóa chất: Xanh methylene, nước cất

+ Mẫu vật: Củ hành tươi, trứng cá, ếch đồng sống.

- Giáo viên tiến hành chia lớp thành 4 nhóm, phân công nhóm trưởng cho mỗi nhóm.

- GV giao nhiệm vụ, hướng dẫn thực hiện và HS thực hiện:

+ Nhóm 1 và nhóm 3: Quan sát tế bào biểu bì vảy hành

+ Nhóm 2 và nhóm 4: Quan sát tế bào biểu bì da ếch

- Các bước thực hiện:

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Hoạt động 1: Quan sát mẫu vật (60 phút)

a. Mục tiêu

- Quan sát và vẽ được hình ảnh tế bào sinh vật. đặc điểm cơ bản của tế bào sinh vật

b. Nội dung

- HS quan sát hình ảnh tế bào sinh vật dưới kính hiển vi

c. Sản phẩm

- HS thực hiện thí nghiệm, quan sát

d. Tổ chức thực hiện

- GV thực hiện thí nghiệm và yêu cầu HS quan sát tế bào trứng cá bằng mắt thường và kính lúp, vẽ tế bào quan sát được.

- GV hướng dẫn và yêu cầu các nhóm tiến hành quan sát

- Nhóm 1 và nhóm 3: Quan sát tế bào biểu bì vảy hành:

Bước 1: Nhỏ một vài giọt nước cất lên lam kính.

Bước 2: Dùng kim mũi mác bóc nhẹ lớp biểu bì vảy hành.

Bước 3: Đặt vảy hành đã bóc lên lam kính đã có giọt nước cất, đẩy lamen.

Bước 4: Quan sát dưới kính hiển vi với vật kính 10x, 40x và vẽ tế bào quan sát được.

- Nhóm 2 và nhóm 4: Quan sát tế bào biểu bì da ếch:

Bước 1: Dùng phanh vớt vài mẫu da ếch trong bình nhốt ếch cho vào đĩa kính đồng hồ.

Bước 2: Nhỏ một giọt xanh methylene vào đĩa kính đồng hồ đã có sẵn mẫu da ếch, để khoảng một đến hai phút.

Bước 3: Nhỏ một giọt nước cất lên lam kính.

Bước 4: Dùng phanh vớt mẫu da ếch đã nhuộm trải đều lên lam kính, đẩy lamen. Dùng giấy thấm thấm nước tràn ra ngoài tiêu bản.

Bước 5: Quan sát tiêu bản dưới kính hiển vi với vật 10x, 40x và vẽ tế bào quan sát được.

4.2. Hoạt động 2: Thảo luận, rút ra đặc điểm hình thái (30 phút)

a. Mục tiêu

- Vẽ và chú thích hình dạng tế bào sinh vật

b. Nội dung

- HS quan sát và phân loại trên phiếu phân loại

-

c. Sản phẩm

Nội dung ghi chép và phiếu phân loại

d. Tổ chức thực hiện

Sau khi quan sát mẫu vật, rút ra được đặc điểm hình thái của tế bào biểu bì vảy hành và tế bào biểu bì da ếch và ghi chép vào phiếu báo cáo.

PHIẾU BÁO CÁO

Nhóm..... Lớp.....

Mẫu Vật	Hình vẽ minh họa	Chú thích	Đặc điểm hình dạng
Tế bào trứng cá			
Tế bào biểu bì vảy hành			
Tế bào biểu bì da ếch			

4.3. Hoạt động 3: Báo cáo kết quả hoạt động (10 phút)

- Bảng kết quả thu được từ hoạt động 1 và hoạt động 2, mỗi nhóm tiến hành báo cáo kết quả hoạt động của nhóm mình trong thời gian 3 phút. Nội dung báo cáo phải đảm bảo:

- + Thể hiện được kết quả về hình vẽ, chú thích, đặc điểm tế bào biểu bì của mẫu vật.
- + Trình bày được đặc điểm hình thái của tế bào biểu bì vảy hành và tế bào biểu bì da ếch.

- Sau khi báo cáo, mỗi nhóm tự điều hành quá trình thảo luận về kết quả hoạt động trong thời gian **5 phút**.

GV tổng kết nội dung kiến thức và rút ra kết luận khoa học (5 phút)

- Sau khi 4 nhóm tiến hành báo cáo, thảo luận. GV tổng kết nội dung kiến thức cho HS. Giải quyết các vấn đề “mâu thuẫn” mà các nhóm chưa giải quyết được.

5. Thảo luận, rút kinh nghiệm và đánh giá (20 phút)

- HS trình bày, chia sẻ kết quả và cảm nhận.
- GV hướng dẫn học sinh rút ra bài học từ trải nghiệm.
- GV đánh giá NL tìm hiểu tự nhiên đạt được và hình thành nguyên lí khoa học tự nhiên của HS thông qua bài tập kiểm tra đánh giá năng lực sau:

Chủ đề: Khám phá tế bào sinh vật

I. Trắc nghiệm:

Câu 1 (NB) . Vật nào sau đây có cấu tạo từ tế bào?

- A. Xe ô tô.
- B. Cây cầu.
- C. Cây bạch đàn.
- D. Ngôi nhà.

Câu 2 (TH). Tế bào nhân sơ là có đặc điểm là:

- A. có thành tế bào.
- B. chưa có màng nhân bao bọc vật chất di truyền.
- C. có màng nhân bao bọc vật chất di truyền.
- D. có lục lạp.

Câu 3 (TH). Đặc điểm của tế bào nhân thực là:

- A. có thành tế bào.
- B. có chất tế bào,
- C. có màng nhân bao bọc vật chất di truyền.
- D. có lục lạp.

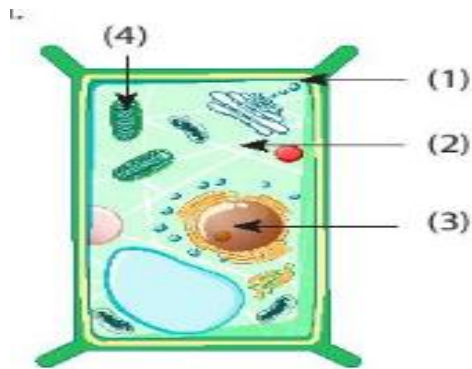
Câu 4 (TH). Mọi tế bào nào cũng gồm những thành phần cơ bản sau:

- A. màng tế bào, chất tế bào và nhân hoặc vùng nhân.
- B. vách tế bào, chất tế bào và nhân hoặc vùng nhân.
- C. vách tế bào, chất tế bào và lục lạp.
- D. màng tế bào, vách tế bào, và nhân.

Câu 5 (VDT). Khi một tế bào lớn lên và sinh sản sẽ có bao nhiêu tế bào mới hình thành?

- A.8 B.6 C. 4 D.2.

Câu 6 (TH). Quan sát cấu tạo tế bào thực vật trong hình bên và trả lời các câu hỏi sau:



6.1, Thành phần nào là màng tế bào?

- A. (1) B. (2) C. (3) D. (4)

6.2, Thành phần nào có chức năng là trung tâm điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào?

- A. (1) B. (2) C. (3) D. (4)

6.3, Thành phần nào là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào.

- A. (1) B. (2) C. (3) D. (4)

Câu 7 (TH). Tế bào thực vật khác với tế bào động vật ở chỗ:

- A. có thành tế bào.
B. có màng tế bào.
C. có lục lạp.
D. có thành tế bào và lục lạp.

Câu 8 (VDT). Thực vật có khả năng tự dưỡng(tự tổng hợp được chất hữu cơ) là do:

- A. có nhân.
B. có không bào
C. có lục lạp.
D. có thành tế bào.

Câu	1	2	3	4	5	6.1	6.2	6.3	7	8
Ý đúng	C	B	C	A	D	A	C	B	D	C

II. Tự luận

Câu 1(NB). Tế bào là gì ?

Câu 2. Có 3 tế bào ban đầu, qua 3 lần phân chia liên tiếp.

a (VDT). Hỏi tổng số tế bào con sinh ra là bao nhiêu?

b (VDC). Lập công thức tính : có 1 tế bào con qua n lần phân chia, số tế bào con tạo thành theo công thức nào? Lập công thức tính : có n tế bào con qua n lần phân chia, số tế bào con tạo thành theo công thức nào?

2.2.2.2. Bài 19: Cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào

Tên chủ đề: “Những thực thể nhỏ bé”

Thời lượng: 90 phút

1. Yêu cầu cần đạt

1.1. Kiến thức

- Phân biệt được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào qua đặc điểm quan sát.
- Nhận biết được sự đa dạng về hình dạng, kích thước, cách sống của cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào.

1.2. Phẩm chất

- Trung thực, cẩn thận khi thực hiện quan sát và ghi chép kết quả.
- Có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao trong nhóm.
- Hứng thú, yêu thích khám phá thế giới vi mô.

1.3. Năng lực

1.3.1. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Tìm hiểu trước đặc điểm của cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào.
- Giao tiếp và hợp tác: Hợp tác nhóm trong quá trình quan sát, báo cáo, phản hồi ý kiến.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Xử lý tình huống khi mẫu quan sát không rõ, linh hoạt trong thảo luận.

1.3.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Nhận thức KHTN: Nêu được đặc điểm phân biệt cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào.

- Tìm hiểu tự nhiên: Quan sát mẫu vật qua kính hiển vi.
- Vận dụng kiến thức: Vận dụng để giải thích một số hiện tượng thực tế (VD: Vì sao vi khuẩn gây bệnh lại sinh sôi nhanh...)

2. Nội dung và hình thức tổ chức

- Phương pháp: Dạy học trải nghiệm – khám phá; thực hành; thảo luận nhóm.
- Hình thức: Cá nhân, nhóm nhỏ 3–4 học sinh.
- Tổ chức: Phòng thực hành.

3. Công tác chuẩn bị

- GV chuẩn bị mẫu vật: Trùng giày (hoặc vi sinh vật khác), mô thực vật hoặc động vật đa bào.
- Dụng cụ: Kính hiển vi, lam kính, lamên, pipet, thuốc nhuộm (nếu có), khăn giấy, giấy quan sát.
- HS: Ôn tập kiến thức tế bào, tìm hiểu khái niệm đơn bào – đa bào.

Hoạt động 1: Khám phá, quan sát mẫu vật (30 phút)

Hoạt động 2: Thảo luận, so sánh (30 phút)

Hoạt động 3: Báo cáo thảo luận (15 phút)

Hoạt động 4: Đánh giá, rút kinh nghiệm (15 phút)

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Hoạt động 1: Khám phá, quan sát mẫu vật (30 phút)

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được đặc điểm cơ bản của cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào qua hình ảnh hoặc kính hiển vi.

b. Nội dung:

- HS làm việc nhóm để quan sát hình ảnh/mẫu vật của các cơ thể đơn bào (trùng giày, tảo lục, vi khuẩn) và cơ thể đa bào (cá, cây, giun đất...).

c. Sản phẩm:

- Phiếu quan sát của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

- GV giao phiếu quan sát.

- HS sử dụng kính hiển vi hoặc quan sát tranh ảnh/hình ảnh do GV cung cấp.
- HS điền thông tin vào phiếu.

PHIẾU QUAN SÁT

Tên sinh vật	Đơn bào/Đa bào	Quan sát cấu tạo chính	Đặc điểm nổi bật
Trùng giày			
Tảo lục đơn bào			
Cây lúa non			
Giun đất			
Vi khuẩn (hình ảnh)			

4.2. Hoạt động 2: Thảo luận, so sánh (30 phút)

a. Mục tiêu:

- Phân biệt được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào dựa vào cấu tạo, chức năng.

b. Nội dung:

- HS làm việc nhóm so sánh các cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào

c. Sản phẩm:

- Phiếu học tập của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

- Mỗi nhóm sử dụng phiếu học tập để so sánh 2 loại cơ thể.
- GV gợi ý các tiêu chí so sánh (cấu trúc, số lượng tế bào, khả năng sống độc lập...).

PHIẾU HỌC TẬP: SO SÁNH CƠ THỂ ĐƠN BÀO VÀ ĐA BÀO chia lớp

Tiêu chí	Cơ thể đơn bào	Cơ thể đa bào
Số lượng tế bào		
Mức độ tổ chức		
Khả năng sống độc lập		
Ví dụ		
Cấu trúc chuyên hóa		

4.3. Hoạt động 3: Báo cáo, thảo luận (15 phút)

- Đại diện nhóm trình bày sản phẩm so sánh.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV tổng kết, chuẩn hóa kiến thức:

Cơ thể đơn bào: gồm 1 tế bào, đảm nhiệm mọi chức năng sống (VD: trùng giày, tảo lục).

Cơ thể đa bào: nhiều tế bào, có sự chuyên hóa và phối hợp các chức năng khác nhau (VD: động vật, thực vật bậc cao).

5. Thảo luận, rút kinh nghiệm và đánh giá (15 phút)

- HS trình bày, chia sẻ kết quả và cảm nhận.
- GV đánh giá năng lực theo tiêu chí

Tiêu chí	Mức độ	Ghi chú
Hoàn thành nhiệm vụ nhóm	Đúng $\geq 70\%$ (Tốt), 50–70% (Khá), $< 50\%$ (Cần cải thiện)	Có minh họa đầy đủ, đúng nội dung
Tinh thần hợp tác	Rất tích cực – Tích cực – Ít hợp tác	Thảo luận sôi nổi, chia sẻ ý kiến
Trình bày rõ ràng	≥ 6 (Tốt), 4–5 (Khá), ≤ 3 (Cần cố gắng)	Thuyết trình đúng trọng tâm, tự tin
Liên hệ thực tiễn	≥ 6 (Tốt), 4–5 (Khá), ≤ 3 (Cần cố gắng)	Nêu được ví dụ thực tế, hiểu vai trò tế bào

2.2.2.3. Bài 20: Các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào

Tên chủ đề: “Hành trình từ tế bào đến cơ thể

Thời lượng: 90 phút

1. Yêu cầu cần đạt

1.1. Kiến thức

- Trình bày được các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào: tế bào $\rightarrow$ mô $\rightarrow$ cơ quan $\rightarrow$ hệ cơ quan $\rightarrow$ cơ thể.

- Hiểu được mối quan hệ giữa các cấp độ và vai trò của từng cấp độ trong hoạt động sống của cơ thể.
- Lấy ví dụ minh họa cụ thể cho từng cấp độ tổ chức.

1.2. Phẩm chất

- Hoàn thành đầy đủ các hoạt động học tập, hợp tác nhóm.
- Đóng góp tích cực cho nhóm, ghi chép đầy đủ nội dung thảo luận.
- Ghi chép, phân tích thông tin khách quan, chính xác.

1.3. Năng lực

1.3.1. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động nghiên cứu sách giáo khoa, hình ảnh, video về cấu trúc cơ thể người và động vật.
- Giao tiếp và hợp tác: Hợp tác nhóm để hoàn thành bảng phân tích, chia sẻ ví dụ, thống nhất sơ đồ hệ thống.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích chức năng của từng cấp độ và ứng dụng vào y học, đời sống.

1.3.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Nhận thức khoa học: Nêu và giải thích được đặc điểm của các cấp độ tổ chức.
- Tìm hiểu tự nhiên: Quan sát tranh/ảnh/video về cấu trúc mô, cơ quan, hệ cơ quan.
- Vận dụng kiến thức: Giải thích vì sao một cơ quan bị tổn thương có thể ảnh hưởng đến toàn cơ thể.

2. Nội dung và hình thức tổ chức HĐTN

- Làm việc cá nhân, theo nhóm nhỏ
- Quan sát tranh ảnh, mô hình, video, kết hợp trao đổi nhóm và báo cáo kết quả.
- Tổ chức hoạt động theo hướng phát hiện và khám phá.

Hoạt động 1. Khởi động: Giáo viên đặt vấn đề” Ở cơ thể đơn bào, mỗi tế bào là một cơ thể. Vậy với cơ thể đa bào, các tế bào có sự phối hợp hoạt động với nhau như thế nào để tạo thành cơ thể sống?” để trả lời câu hỏi này lớp chúng ta cùng tìm hiểu ***Bài 20: Các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào***

Hoạt động 2: Tìm hiểu mối quan hệ tế bào đến mô: Gv chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu quan sát hình 20.1 và 20.2 trả lời câu hỏi 1,2,3

Hoạt động 3: Tìm hiểu mối quan hệ từ mô đến cơ quan: HS quan sát hình 20.3 và 20.4, thảo luận nhóm cặp đôi trả lời câu hỏi

Hoạt động 4. Tìm hiểu mối liên hệ từ cơ quan đến cơ thể: GV chia lớp thành 3 nhóm, quan sát hình ảnh, nghiên cứu sách giáo khoa thực hiện nhiệm vụ trong phiếu học tập.

Hoạt động 5: Báo cáo và kết luận: GV tổng kết kiến thức

3. Công tác chuẩn bị:

3.1. Giáo viên

- Kế hoạch giảng dạy, giáo án điện tử, máy tính, máy chiếu v.v...

3.2. Học sinh

- Ôn tập kiến thức bài trước và đọc trước bài 20

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Hoạt động 1. Khởi động (5 phút)

a. Mục tiêu

- Tạo hứng thú, không khí cho HS, tạo vấn đề học tập

b. Nội Dung

- HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm:

- Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên đặt vấn đề” Ở cơ thể đơn bào, mỗi tế bào là một cơ thể. Vậy với cơ thể đa bào, các tế bào có sự phối hợp hoạt động với nhau như thế nào để tạo thành cơ thể sống?” để trả lời câu hỏi này lớp chúng ta cùng tìm hiểu **Bài 20:**

Các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào

4.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu mối quan hệ tế bào đến mô (20 phút)

a. Mục tiêu

- Nêu khái niệm mô, xác định mối quan hệ từ tế bào đến mô

b. Nội Dung

- HS nghiên cứu SGK, thực hiện các nhiệm vụ trong phiếu học tập

c. Sản phẩm:

- Phiếu học tập của các nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên yêu cầu các nhóm quan sát hình 20.1 và 20.2, thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập

PHIẾU HỌC TẬP	
NHÓM.....	LỚP.....
 Câu 1. Hãy cho biết mối quan hệ từ tế bào đến mô?	
Câu 2. Nhận xét về hình dạng và cấu tạo các tế bào hình thành nên mỗi loại mô	
Câu 3. Hãy dự đoán chức năng của các tế bào trong một mô	

- GV gọi đại diện học sinh trả lời câu hỏi, các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến.

4.3. Hoạt động 3: Tìm hiểu mối quan hệ từ mô đến cơ quan (20 phút)

a. Mục tiêu

- Nêu khái niệm cơ quan, xác định mối quan hệ từ mô đến cơ quan

b. Nội Dung

- HS nghiên cứu SGK, thực hiện các nhiệm vụ GV đề ra

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS quan sát hình 20.3^a và 20.3b trả lời các câu hỏi

Câu 1. Cây được cấu tạo từ các loại mô nào

Câu 2. Dạ dày được cấu tạo từ các loại mô nào

Câu 3. Mô và cơ quan có liên hệ với nhau như thế nào?

- GV gọi đại diện học sinh trả lời, các học sinh khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung

4.4 Hoạt động 4. Tìm hiểu mối liên hệ từ cơ quan đến cơ thể (20 phút)

GV chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu các nhóm quan sát hình ảnh 20.4 và 20.5, nghiên cứu sách giáo khoa thực hiện nhiệm vụ trong phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP**Nhóm 1:****Câu 1. Cho biết các hệ cơ quan cấu tạo nên cây cà chua**

.....
.....
.....

Câu 2. Gọi tên các cơ quan cấu tạo nên hệ chồi tương ứng với các số (1) đến (4) trong hình và nêu chức năng của mỗi cơ quan này

.....
.....
.....

PHIẾU HỌC TẬP

Nhóm 2:

Câu 1. Nêu chức năng của hệ rẽ

.....

.....

.....

Câu 2. Hãy kể tên một số cơ quan cấu tạo nên hệ tiêu hóa ở người và chức năng tương ứng theo số thứ tự từ (5) đến (9)

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP

Nhóm 3:

Câu 1. Ở người có những hệ cơ quan nào? Nêu chức năng của hệ tiêu hóa

.....

.....

.....

Câu 2. Điều gì sẽ xảy ra nếu trong cơ thể có một cơ quan ngừng hoạt động ?

.....

.....

.....

- GV gọi đại diện nhóm lên trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung

4.5. Hoạt động 5: Báo cáo và kết luận (15 phút)

GV tổng kết kiến thức

- Mô là tập hợp một nhóm tế bào giống nhau về hình dạng và cùng thực hiện một chức năng nhất định.
- Mô thực vật: mô phân sinh, mô biểu bì, mô dẫn, mô cơ bản.
- Mô động vật: mô cơ, mô thần kinh, mô liên kết, mô biểu bì.
- Cơ quan là tập hợp của nhiều mô cùng thực hiện một chức năng trong cơ thể. Cơ quan ở thực vật: rễ, thân, lá, hoa, quả, hạt. Cơ quan ở động vật: dạ dày, ruột, gan, tim, phổi, mắt, mũi, miệng, ...
- Hệ cơ quan là tập hợp một số cơ quan cùng hoạt động để thực hiện một chức năng nhất định. Ở cơ thể thực vật, các hệ cơ quan được chia thành hệ chồi và hệ rễ. Ở cơ thể động vật gồm một số hệ cơ quan như: hệ vận động (xương, cơ); hệ tuần hoàn (tim, mạch máu, máu); hệ hô hấp (mũi, hầu, thanh quản, khí quản, phế quản và phổi);... Cơ thể đa bào được cấu tạo từ nhiều cơ quan và hệ cơ quan. Các cơ quan cùng thực hiện một chức năng tạo thành hệ cơ quan, các hệ cơ quan hoạt động thống nhất, nhịp nhàng để thực hiện chức năng sống của cơ thể.

5. Thảo luận, rút kinh nghiệm và đánh giá (10 phút)

- HS trình bày, chia sẻ kết quả và cảm nhận.
- GV đánh giá năng lực tìm hiểu tự nhiên đạt được và hình thành nguyên lí khoa học tự nhiên của HS thông qua một số câu hỏi kiểm tra đánh giá năng lực

I. Trắc nghiệm

1 (NB). Đơn vị cấu tạo và chức năng cơ bản của mọi cơ thể sống là

- A. mô.
- B. tế bào.
- C. cơ quan.
- D. hệ cơ quan.

2 (NB). Trong cơ thể đa bào, tập hợp các tế bào giống nhau cùng thực hiện một chức năng nhất định được gọi là

- A. mô.
- B. tế bào.
- C. cơ quan.

D. hệ cơ quan.

3 (TH). Kể tên các cơ quan thuộc hệ hô hấp ở người và cho biết mối liên hệ về chức năng của các cơ quan.

.....

.....

.....

4 (VDT). Khi em tập thể dục, những cơ quan và hệ cơ quan nào trong cơ thể cùng phối hợp hoạt động?

.....

.....

.....

2.3. Đánh giá chất lượng của hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Khoa học Tự nhiên 6

2.3.1. Tiêu chí đánh giá chất lượng của hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Khoa học Tự nhiên 6

Hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Khoa học Tự nhiên 6 có vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển năng lực học sinh, giúp các em gắn kết kiến thức với thực tiễn, tăng cường hứng thú học tập và phát triển phẩm chất, năng lực toàn diện. Để đảm bảo hiệu quả giáo dục, việc thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm cần dựa trên những tiêu chí đánh giá rõ ràng, cụ thể. Một số tiêu chí cơ bản như sau:

1. Tính khoa học

Hoạt động trải nghiệm cần đảm bảo nội dung chính xác, phù hợp với kiến thức khoa học trong chương trình Khoa học Tự nhiên 6. Các tình huống, hiện tượng đưa ra phải đúng về mặt chuyên môn, phản ánh đúng quy luật tự nhiên, tránh gây hiểu nhầm hoặc sai lệch trong nhận thức của học sinh.

2. Tính giáo dục

Hoạt động trải nghiệm không chỉ giúp học sinh lĩnh hội kiến thức mà còn góp phần giáo dục thái độ, hành vi đúng đắn. Thông qua trải nghiệm, học sinh cần được rèn luyện các phẩm chất như: yêu thiên nhiên, sống có trách nhiệm, hợp tác, trung thực, chăm chỉ, tôn trọng sự sống và môi trường.

3. Tính thực tiễn

Nội dung trải nghiệm cần gắn liền với các vấn đề, hiện tượng gần gũi trong đời sống hàng ngày, môi trường xung quanh học sinh. Việc tổ chức hoạt động phải giúp các em nhận ra được mối liên hệ giữa lý thuyết và thực hành, từ đó biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

4. Tính sư phạm

Hoạt động phải phù hợp với đặc điểm tâm lý, trình độ, nhu cầu và hứng thú của học sinh lớp 6. Cách thức tổ chức cần đảm bảo tính vừa sức, tạo điều kiện để học sinh chủ động tham gia, thể hiện bản thân, hợp tác nhóm và phát triển tư duy sáng tạo.

5. Tính định hướng phát triển năng lực

Mỗi hoạt động trải nghiệm cần được thiết kế nhằm phát triển các năng lực cốt lõi trong môn Khoa học Tự nhiên như: năng lực tìm hiểu thế giới tự nhiên, năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn, năng lực giải quyết vấn đề, và năng lực giao tiếp hợp tác trong học tập.

6. Tính khả thi trong tổ chức thực tiễn

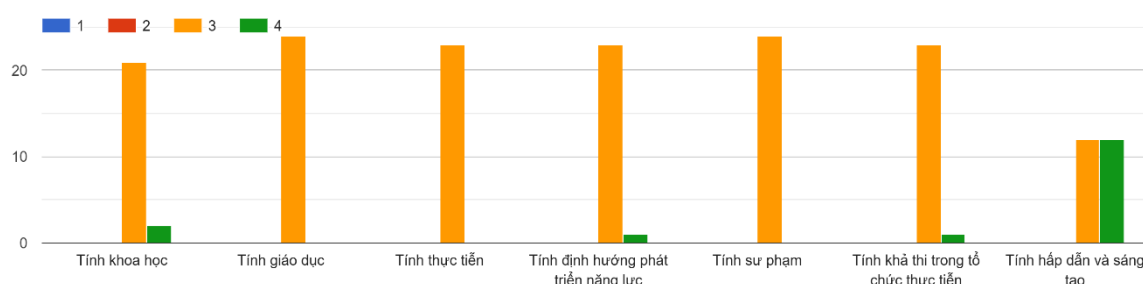
Hoạt động cần phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, thời gian, không gian, trình độ tổ chức của giáo viên và đặc điểm học sinh tại trường. Các hoạt động quá phức tạp, khó tổ chức hoặc đòi hỏi nhiều điều kiện đặc biệt sẽ gây khó khăn cho việc triển khai và làm giảm hiệu quả giáo dục.

7. Tính hấp dẫn và sáng tạo

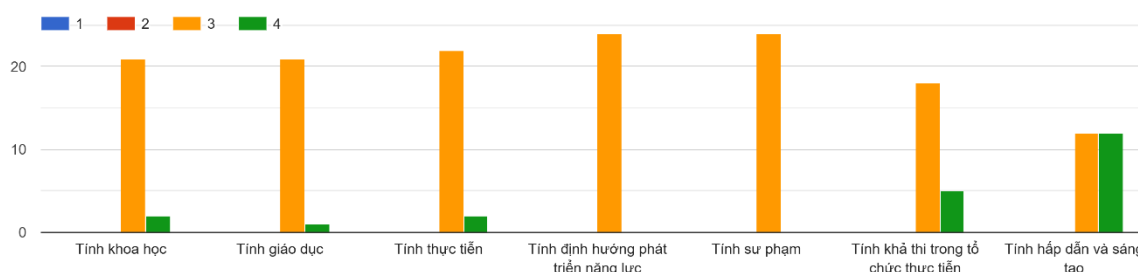
Một hoạt động trải nghiệm chất lượng cần có sự hấp dẫn, mới mẻ, tạo hứng thú cho học sinh. Hoạt động nên kích thích tư duy sáng tạo, tạo môi trường học tập tích cực và khuyến khích học sinh khám phá, đặt câu hỏi và tự tìm câu trả lời.

2.3.2. Kết quả đánh giá chất lượng của hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Khoa học Tự nhiên 6

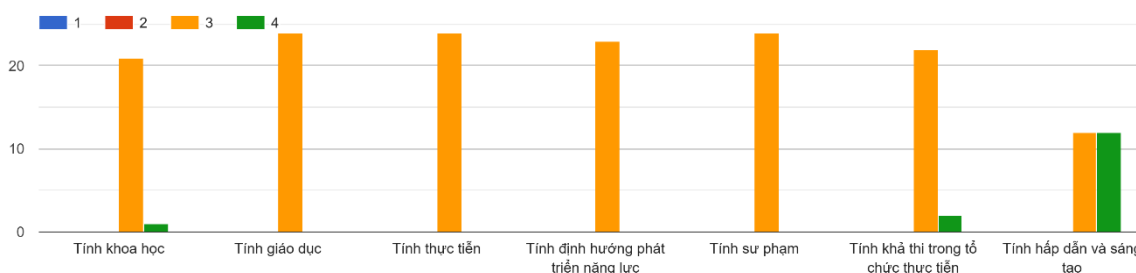
Nhằm đánh giá mức độ phù hợp và hiệu quả của việc thiết kế HĐTN trong dạy học chủ đề "Vật sống" (môn Khoa học Tự nhiên 6), nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát giáo viên tại các Trường THCS trên địa bàn thông qua phiếu hỏi định lượng kết hợp phỏng vấn sâu. Nội dung khảo sát tập trung vào các tiêu chí với các mức đánh giá từ 1-4; 1: Thấp; 2: Trung bình; 3: Cao; 4: Rất cao



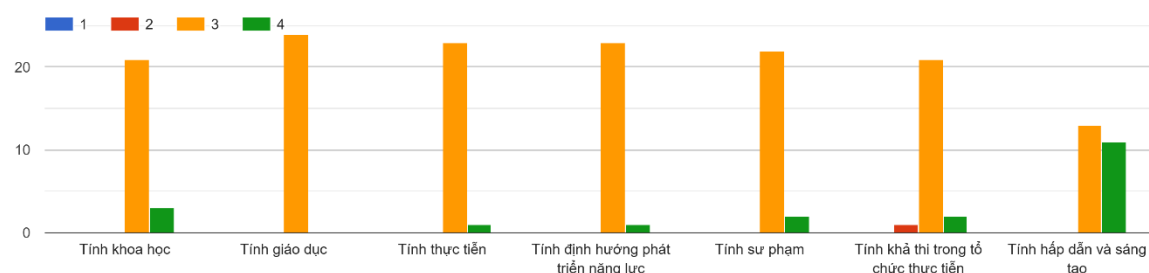
Biểu đồ 2.1. Mức độ phù hợp đáp ứng các tiêu chí Bài 22. Phân loại thể giới sống



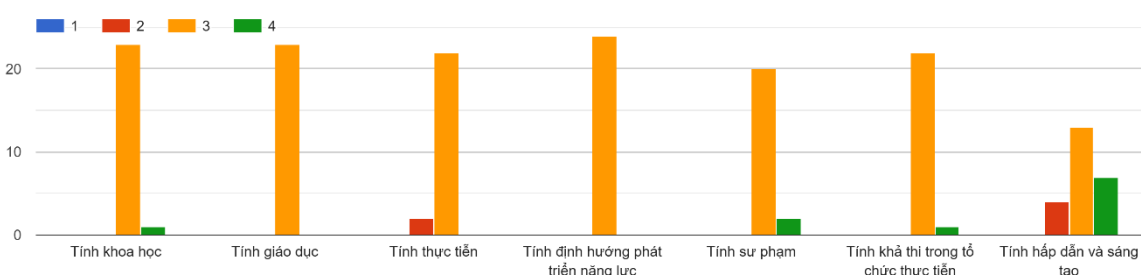
Biểu đồ 2.2. Mức độ phù hợp đáp ứng các tiêu chí Bài 26. Thực hành quan sát vi khuẩn, Tìm hiểu các bước làm sữa chua



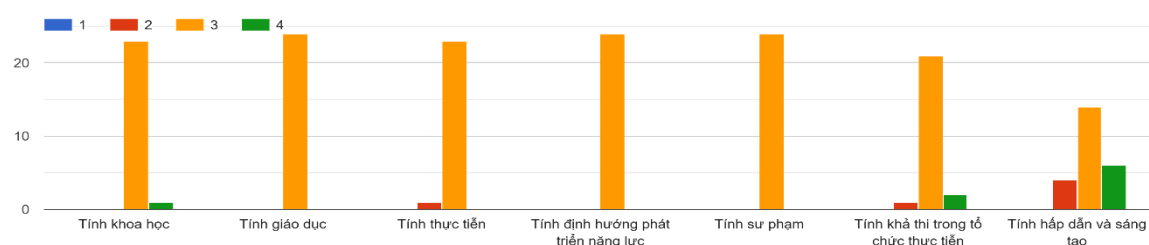
Biểu đồ 2.3. Mức độ phù hợp đáp ứng các tiêu chí Bài 32. Thực hành quan sát và phân loại động vật ngoài thiên nhiên



Biểu đồ 2.4. Mức độ phù hợp đáp ứng các tiêu chí Bài 18. Thực hành quan sát tế bào sinh vật



Biểu đồ 2.5. Mức độ phù hợp đáp ứng các tiêu chí Bài 19. Cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào



Biểu đồ 2.6. Mức độ phù hợp đáp ứng các tiêu chí Bài 20. Các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào

Tuy nhiên, một số ý kiến từ phòng văn chuyên sâu đề xuất cần tinh giản một số nội dung chưa trọng tâm, đồng thời bổ sung hướng dẫn sử dụng chi tiết hơn, nhằm hỗ trợ giáo viên linh hoạt trong triển khai giảng dạy theo các điều kiện lớp học khác nhau.

Từ những kết quả nêu trên, có thể khẳng định rằng thiết kế HĐTN có tính khả thi và hiệu quả cao trong dạy học chủ đề "Vật sống", góp phần tích cực vào việc phát triển phẩm chất, năng lực học sinh theo định hướng của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 của luận văn đã xác lập cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Khoa học tự nhiên 6, chủ đề “Vật sống”. Trên nền tảng tiếp cận phát triển năng lực theo Chương trình GDPT 2018, luận văn đề xuất quy trình thiết kế hoạt động trải nghiệm gồm các bước rõ ràng, phù hợp với đặc trưng môn học và thực tiễn dạy học.

Các hoạt động được xây dựng đảm bảo tính khoa học, tính sư phạm và khả năng ứng dụng cao, góp phần phát triển năng lực tìm hiểu tự nhiên, vận dụng kiến thức, hợp tác, tự học và tư duy phản biện của học sinh. Ví dụ minh họa cụ thể cho thấy tính khả thi và hiệu quả của việc tích hợp trải nghiệm vào bài học.

Tuy nhiên, việc triển khai vẫn gặp khó khăn về thời gian, cơ sở vật chất và nguồn lực giáo viên. Do đó, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa nhà trường, giáo viên và các lực lượng giáo dục liên quan nhằm phát huy hiệu quả hoạt động trải nghiệm trong dạy học.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Đề tài đã hệ thống hóa cơ sở lý luận liên quan đến hoạt động trải nghiệm trong giáo dục nói chung và trong môn Khoa học Tự nhiên nói riêng. Từ việc phân tích khái niệm, vai trò, đặc điểm, nguyên tắc tổ chức đến các loại hình hoạt động trải nghiệm, luận văn đã khẳng định hoạt động trải nghiệm là phương thức tổ chức học tập quan trọng, tạo điều kiện để học sinh phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và kết nối kiến thức với thực tiễn cuộc sống.

Trên cơ sở khảo sát thực trạng tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn Khoa học Tự nhiên 6 tại một số trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Ninh Bình cho thấy phần lớn giáo viên đã nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động trải nghiệm, song vẫn còn gặp khó khăn trong khâu thiết kế hoạt động phù hợp với đặc điểm môn học và trình độ học sinh. Việc tổ chức hoạt động trải nghiệm còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu và chưa thực sự gắn với nội dung bài học cụ thể.

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn khảo sát, khóa luận đã đề xuất một số mô hình hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ đề “Vật sống”. Các hoạt động được thiết kế linh hoạt theo tiến trình dạy học (khởi động – hình thành kiến thức – luyện tập – vận dụng), tích hợp nhiều phương pháp tích cực như trò chơi học tập, điều tra thực địa, thực hành thí nghiệm, làm mô hình, giúp học sinh rèn luyện các năng lực: tư duy khoa học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp và vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Kết quả đánh giá một số hoạt động trải nghiệm đã cho thấy hiệu quả tích cực trong việc kích thích hứng thú học tập, nâng cao khả năng tiếp nhận kiến thức và phát triển năng lực học sinh. Qua đó, khẳng định tính khả thi và giá trị thực tiễn của các hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Khoa học Tự nhiên ở THCS.

Tuy nhiên, do hạn chế về thời gian, quy mô khảo sát và điều kiện triển khai, khóa luận vẫn còn một số điểm cần tiếp tục nghiên cứu như: mở rộng phạm vi đối tượng, tăng cường đánh giá tác động dài hạn của hoạt động trải nghiệm, đồng thời nghiên cứu sâu hơn về việc tích hợp trải nghiệm với các môn học tích hợp khác.

2. KIẾN NGHỊ

- Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn, cập nhật phương pháp dạy học tích cực và các xu hướng giáo dục mới, đặc biệt là trong việc thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm theo hướng phát triển năng lực học sinh.
- Tăng cường rèn luyện kỹ năng khảo sát, phân tích thực tiễn và đánh giá hiệu quả hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Khoa học Tự nhiên, từ đó nâng cao chất lượng thiết kế bài giảng và đề xuất giải pháp sát với nhu cầu thực tế.
- Chủ động xây dựng kho tư liệu cá nhân gồm phiếu học tập, phiếu quan sát, kịch bản dạy học trải nghiệm,... để sử dụng linh hoạt trong các bài học thuộc chủ đề "Vật sống" cũng như các chủ đề khác trong chương trình.
- Thường xuyên trao đổi chuyên môn với đồng nghiệp, tham gia các diễn đàn giáo dục để học hỏi kinh nghiệm, tiếp thu phản hồi và hoàn thiện hơn nữa các sản phẩm thiết kế hoạt động trải nghiệm.
- Rút kinh nghiệm qua quá trình triển khai thực tế và tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu hơn về mối quan hệ giữa hoạt động trải nghiệm và phát triển năng lực tự học, tự chủ của học sinh THCS.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể*.

[2] Cao Thị Sông Hương. (2020). *Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn Khoa học Tự nhiên phát triển năng lực cho học sinh trung học cơ sở*. NXB Đại học Sư phạm.

[3] Đoàn Thị Nhung, Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng. (2018). *Luận văn Thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học KHTN ở trường THCS Phong Hóa – tỉnh Quảng Bình*.

[4] Lê Xuân Quang, Trần Thị Thu Hà. (2021). *Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong môn Khoa học Tự nhiên 6. Tạp chí Giáo dục Khoa học Tự nhiên*, số 2.

[5] Nhà xuất bản Đại học Sư phạm. (2020). *Giáo trình Hướng dẫn tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp THCS theo chương trình giáo dục phổ thông mới*.

[6] Nguyễn Thị Thanh. (2020). *Hoạt động trải nghiệm trong giáo dục phổ thông*. NXB Giáo dục Việt Nam.

[7] Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Xuân Hưng. (2022). *Hướng dẫn tổ chức dạy học tích hợp KHTN cấp THCS theo CTGDPT 2018*. NXB Đại học Sư phạm.

[8] Sách giáo khoa *Hoạt động trải nghiệm 6*.

[9] Trần Bá Hoành. (2015). *Vấn đề giáo viên bằng những nghiên cứu lý luận và thực tiễn*. NXB Đại học Sư phạm.

Tiếng Anh

[10] Dewey, J. (1938). *Experience and Education*. New York: Macmillan Co.

[11] Kolb, D. (1984). *Experiential Learning: Experience as the Source of Learning and Development*. Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall.

[12] Kolb, D. A., & A. Y. (2005). *Learning Styles and Learning Spaces: Enhancing Experiential Learning in Higher Education*. *Academy of Management Learning & Education*, Vol. 4, No. 2, pp. 193.

[13] Mortimore, P. (1998). *Learning: The Treasure Within – Report to UNESCO of the International Commission on Education for the Twenty-first Century*. Jacques Delors, Chairman: UNESCO Publishing, Paris, *Higher Education Policy*, Vol. 11, Issue 1, March 1998.

[14] Svinicki, D., & Dixon, M. (1987). *The Kolb Model Modified for Classroom Activities*. *College Teaching*, Vol. 35, No. 4, pp. 141.

Website

<https://123docz.com/document/5697854-thiet-ke-hoat-dong-trai-nghiem-trong-day-hoc-mon-khoa-hoc-tu-nhien-thcs.htm> ngày truy cập: 6/10/2024.

<https://thuvienphapluat.vn/> ngày truy cập: 22/10/2024

<https://www.researchgate.net/publication/374169776> Quan li hoat dong trai nghiem mon Khoa hoc tu nhien theo dinh huong giao duc STEM o trung trung hoc co so ngày truy cập: 22/10/2024

<https://www.researchgate.net/publication/374169984> **TONG QUAN MOT SO NGHIEN CUU VE HOAT DONG TRAI NGHIEM TRONG MON KHOA HOC TU NHIE**
N THEO DINH HUONG GIAO DUC STEM ngày truy cập: 22/10/2024

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: PHIẾU KHẢO SÁT

PHIẾU KHẢO SÁT GIÁO VIÊN

Kính gửi quý thầy cô!

Hiện tại em đang thực hiện đề tài **“Thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ đề “Vật sống” môn Khoa học tự nhiên 6 - THCS”**. Để có được những thông tin cần thiết, làm nền tảng cho việc thực hiện đề tài, em tiến hành khảo sát giáo viên tại một số trường THCS trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Đây là những dữ liệu cơ sở cho việc thực hiện và triển khai đề tài, vì vậy em rất mong quý thầy cô chia sẻ đầy đủ những thông tin dưới đây. Em xin cam đoan những thông tin trả lời trong Phiếu hỏi của thầy (cô) chỉ được sử dụng với mục đích nghiên cứu.

PHẦN A: THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên (có thể không ghi):

.....

2. Trường/Đơn vị công tác:

.....

3. Chuyên môn đào tạo:

.....

4. Thâm niên giảng dạy:

☐ Dưới 5 năm

☐ 5–10 năm

☐ Trên 10 năm

PHẦN B: NỘI DUNG KHẢO SÁT

6. Theo thầy (cô), tích hợp trong môn Khoa học tự nhiên (THCS) của chương trình giáo dục đổi mới là tích hợp về vấn đề gì? (Có thể lựa chọn nhiều đáp án).

- ☐ Hình thành kiến thức khoa học về thế giới tự nhiên
- ☐ Hình thành các nguyên lí liên quan đến khoa học tự nhiên
- ☐ Hình thành các năng lực liên quan đến khoa học tự nhiên

7. Theo thầy (cô), có nên tích hợp hoạt động trải nghiệm vào dạy học chủ đề “Vật sống” môn KHTN 6 không?

- ☐ Nên ☐ Không nên ☐ Cần xem xét thêm

8. Nếu chọn “Nên”, theo thầy (cô), mục tiêu phù hợp của hoạt động trải nghiệm là gì? (chọn nhiều đáp án)

- ☐ Gây hứng thú học tập, khơi gợi sự tò mò khoa học
- ☐ Hình thành kiến thức thông qua quan sát, thực hành
- ☐ Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình
- ☐ Hình thành thái độ yêu thiên nhiên, bảo vệ sinh vật
- ☐ Phát triển năng lực giải quyết vấn đề từ thực tiễn
- ☐ Khác (ghi rõ):

9. Thầy (cô) đã từng tổ chức hoạt động trải nghiệm nào trong chủ đề "Vật sống" môn KHTN 6 chưa?

- ☐ Đã tổ chức ☐ Chưa tổ chức

Nếu có, vui lòng mô tả vắn tắt hoạt động đã tổ chức:

.....
.....
.....
.....

10. Theo thầy (cô), hình thức hoạt động trải nghiệm nào phù hợp nhất với chủ đề “Vật sống” môn KHTN 6? (có thể chọn nhiều)

- ☐ Quan sát vườn trường hoặc nuôi sinh vật nhỏ tại lớp

☐ Tham quan thực địa (trại giống, bảo tàng, khu sinh thái...)

☐ Tổ chức trò chơi, sân khấu hóa

☐ Làm dự án nhỏ theo nhóm

☐ Giao nhiệm vụ tìm hiểu tại nhà

☐ Khác:

11. Theo thầy (cô), khó khăn lớn nhất khi tổ chức hoạt động trải nghiệm là gì?
(chọn nhiều đáp án)

☐ Thiếu trang thiết bị/cơ sở vật chất

☐ Thiếu thời gian trong chương trình

☐ Học sinh thiếu kỹ năng thực hành

☐ Khó kiểm soát lớp khi ra ngoài

☐ Giáo viên thiếu kinh nghiệm tổ chức

☐ Phụ huynh hoặc nhà trường chưa ủng hộ

☐ Khác:

12. Thầy (cô) có sẵn sàng áp dụng hoặc tham gia thử nghiệm hoạt động trải nghiệm đối với môn KHTN 6 về chủ đề “Vật sống”?

☐ Sẵn sàng

☐ Có thể, nếu được hỗ trợ thêm

☐ Chưa sẵn sàng

13. Nếu có góp ý hoặc đề xuất nào về cách tổ chức hoạt động trải nghiệm hiệu quả hơn đối với môn KHTN 6 chủ đề “Vật sống”, thầy (cô) vui lòng ghi thêm:

.....
.....
.....
.....

Chân thành cảm ơn sự cộng tác của quý thầy cô!

PHIẾU KHẢO SÁT HỌC SINH

Ý kiến học sinh về việc tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn Khoa học tự nhiên 6 – Chủ đề “Vật sống”

(Phiếu khảo sát ẩn danh – không bắt buộc ghi tên)

PHẦN A: THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên (không bắt buộc):
2. Lớp:
3. Em có thích học môn Khoa học tự nhiên không?
☐ Rất thích ☐ Bình thường ☐ Không thích
4. Em có hứng thú với chủ đề "Vật sống" không?
☐ Có ☐ Bình thường ☐ Không

PHẦN B: NỘI DUNG KHẢO SÁT

5. Em đã từng tham gia hoạt động trải nghiệm nào trong môn Khoa học tự nhiên chưa?
☐ Rồi ☐ Chưa
6. Nếu đã từng tham gia, em thấy hoạt động đó:
☐ Thú vị và bổ ích ☐ Bình thường ☐ Không thích
7. Em muốn tham gia hoạt động nào trong chủ đề “Vật sống”? (Chọn nhiều đáp án)
☐ Quan sát cây hoặc động vật
☐ Làm thí nghiệm đơn giản
☐ Tham quan vườn, trại giống, bảo tàng,...
☐ Chơi trò chơi, sân khấu hóa
☐ Làm dự án nhóm hoặc bài thu hoạch

☐ Khác:

8. Khi tham gia hoạt động trải nghiệm, em thấy mình học được điều gì?
(Chọn nhiều đáp án)

☐ Biết thêm kiến thức về sinh vật

☐ Biết cách làm việc nhóm

☐ Tự tin hơn khi trình bày

☐ Vui hơn so với học lý thuyết

☐ Khác:

9. Em có muốn thầy cô tổ chức thêm hoạt động trải nghiệm trong môn Khoa học tự nhiên không?

☐ Có ☐ Không ☐ Không quan tâm

Góp ý của em để hoạt động trải nghiệm vui hơn, hiệu quả hơn:

.....
.....
.....

PHIẾU KHẢO SÁT KẾT QUẢ

Mức độ phù hợp và hiệu quả của việc thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ đề "Vật sống"

(Môn Khoa học Tự nhiên lớp 6)

Họ và tên Thầy/Cô:

Đơn vị công tác:

Chuyên môn công tác:

Đánh giá kết quả chất lượng các tiêu chí theo mức đánh giá:

1: Thấp; 2: Trung bình; 3: Cao; 4: Rất cao

Bài 18. Thực hành quan sát tế bào sinh vật

- Tính khoa học: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính giáo dục: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính thực tiễn: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính định hướng phát triển năng lực: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính sư phạm: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính khả thi trong tổ chức thực tiễn: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính hấp dẫn và sáng tạo: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4

Bài 21: Thực hành quan sát sinh vật

- Tính khoa học: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính giáo dục: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính thực tiễn: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính định hướng phát triển năng lực: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính sư phạm: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính khả thi trong tổ chức thực tiễn: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính hấp dẫn và sáng tạo: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4

Bài 22: Phân loại thể giới sống

- Tính khoa học: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính giáo dục: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính thực tiễn: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính định hướng phát triển năng lực: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính sư phạm: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính khả thi trong tổ chức thực tiễn: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính hấp dẫn và sáng tạo: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4

Bài 32: Thực hành quan sát và phân loại động vật ngoài tự nhiên

- Tính khoa học: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính giáo dục: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính thực tiễn: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính định hướng phát triển năng lực: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính sư phạm: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính khả thi trong tổ chức thực tiễn: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính hấp dẫn và sáng tạo: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4

Bài 17: Tế bào

- Tính khoa học: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính giáo dục: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính thực tiễn: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính định hướng phát triển năng lực: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính sư phạm: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính khả thi trong tổ chức thực tiễn: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính hấp dẫn và sáng tạo: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4

Bài 19: Cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào

- Tính khoa học: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4

- Tính giáo dục: [] 1 [] 2 [] 3 [] 4
- Tính thực tiễn: [] 1 [] 2 [] 3 [] 4
- Tính định hướng phát triển năng lực: [] 1 [] 2 [] 3 [] 4
- Tính sư phạm: [] 1 [] 2 [] 3 [] 4
- Tính khả thi trong tổ chức thực tiễn: [] 1 [] 2 [] 3 [] 4
- Tính hấp dẫn và sáng tạo: [] 1 [] 2 [] 3 [] 4

Bài 20: Các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào

- Tính khoa học: [] 1 [] 2 [] 3 [] 4
- Tính giáo dục: [] 1 [] 2 [] 3 [] 4
- Tính thực tiễn: [] 1 [] 2 [] 3 [] 4
- Tính định hướng phát triển năng lực: [] 1 [] 2 [] 3 [] 4
- Tính sư phạm: [] 1 [] 2 [] 3 [] 4
- Tính khả thi trong tổ chức thực tiễn: [] 1 [] 2 [] 3 [] 4
- Tính hấp dẫn và sáng tạo: [] 1 [] 2 [] 3 [] 4

Bài 24: Virus

- Tính khoa học: [] 1 [] 2 [] 3 [] 4
- Tính giáo dục: [] 1 [] 2 [] 3 [] 4
- Tính thực tiễn: [] 1 [] 2 [] 3 [] 4
- Tính định hướng phát triển năng lực: [] 1 [] 2 [] 3 [] 4
- Tính sư phạm: [] 1 [] 2 [] 3 [] 4
- Tính khả thi trong tổ chức thực tiễn: [] 1 [] 2 [] 3 [] 4
- Tính hấp dẫn và sáng tạo: [] 1 [] 2 [] 3 [] 4

Bài 25: Vi khuẩn

- Tính khoa học: [] 1 [] 2 [] 3 [] 4
- Tính giáo dục: [] 1 [] 2 [] 3 [] 4
- Tính thực tiễn: [] 1 [] 2 [] 3 [] 4
- Tính định hướng phát triển năng lực: [] 1 [] 2 [] 3 [] 4

- Tính sự phạm: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính khả thi trong tổ chức thực tiễn: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4
- Tính hấp dẫn và sáng tạo: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4